





Thông tin kinh tế hàng tháng

Bản tin số 27: Tháng 10/2024

Tài chính, Kinh tế & Thương mại

	<p><u>Chính phủ Việt Nam tìm cách phát triển thị trường nội địa: Ý nghĩa với thương mại điện tử</u></p> <p>Thủ tướng Việt Nam đã ban hành chỉ thị nhằm thúc đẩy nhu cầu, hỗ trợ sản xuất và phát triển thị trường, bao gồm cả thương mại điện tử, để củng cố nền kinh tế trong nước. Chỉ thị 29/CT-TTg, ngày 27 tháng 8 năm 2024 (sau đây gọi là “Chỉ thị 29”), tập trung vào việc thúc đẩy nhu cầu, hỗ trợ sản xuất và kinh doanh, cũng như phát triển thị trường trong nước tại Việt Nam. Chỉ thị này đánh dấu một nỗ lực khác của nền kinh tế phụ thuộc vào xuất khẩu nhằm nâng cao vai trò của thị trường nội địa cho các doanh nghiệp có trụ sở tại Việt Nam.</p> <p><i>Đọc thêm về nội dung bài viết bằng tiếng Việt tại Phụ lục 1.1</i></p>
	<p><u>Ý chuyển sang Việt Nam, Mexico để xuất khẩu phụ tùng ô tô nhằm đối phó với tình hình suy yếu của Đức</u></p> <p>Ý tìm kiếm thị trường xuất khẩu mới cho phụ tùng ô tô ở Việt Nam và Mexico. Ngoại trưởng Italy, ông Antonio Tajani, cho biết Italy đang nhắm đến Mexico và Việt Nam như những thị trường xuất khẩu thay thế cho các sản phẩm phụ tùng ô tô của nước này. Lý do là họ dự đoán nhu cầu từ Đức sẽ giảm sút do khủng hoảng của Volkswagen.</p> <p><i>Đọc thêm về nội dung bài viết bằng tiếng Việt tại Phụ lục 1.2</i></p>
	<p><u>Tăng trưởng ngành sản xuất vẫn cao trong tháng 8</u></p> <p>Các nhà sản xuất Việt Nam tiếp tục có sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới tăng vào thời điểm giữa quý 3. Mặc dù tăng trưởng của từng chỉ số này đã chậm lại so với mức gần kỷ lục của tháng 7, tốc độ tăng vẫn là mạnh và đã kéo theo mức tăng đáng kể nhất của hoạt động mua hàng trong hơn hai năm. Tuy nhiên, điểm kém tích cực hơn là việc làm đã giảm lần đầu tiên trong ba tháng. Mặc dù cả chi phí đầu vào và giá cả đầu ra tiếp tục tăng trong tháng 8, các báo cáo về áp lực cạnh tranh cho thấy tốc độ tăng giá và chi phí đã chậm lại đáng kể trong tháng.</p>
	<p><u>Nghiên cứu thị trường toàn cầu: Việt Nam</u></p> <p>Tăng trưởng xuất khẩu trung bình 17,2% so với cùng kỳ trong tháng 7 và tháng 8 so với 12,2% trong quý 2 năm 2024. Ngược lại, tăng trưởng nhập khẩu giảm nhẹ, nhấn mạnh sự phục hồi không đồng đều của nhu cầu trong nước. Bão Yagi đã gây ra tác động tàn khốc đến cuộc sống và sinh kế ở một số vùng miền Bắc Việt Nam. Những hậu quả kinh tế có thể quá sớm để đánh giá. Chúng tôi duy trì dự báo của mình về việc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) sẽ cắt giảm lãi suất chính sách của mình 50 điểm cơ bản trong nửa cuối năm 2024. Rủi ro là việc cắt giảm này bị trì hoãn đến năm 2025.</p> <p><i>Đọc thêm về nội dung bài viết bằng tiếng Việt tại Phụ lục 1.3</i></p>

Góc nhìn Chuyên gia



[Triển vọng CEO 2024 của KPMG](#)

Mười năm nghiên cứu Triển vọng CEO của KPMG cho thấy sự lạc quan của các CEO vào tương lai của doanh nghiệp, bất chấp sự biến động địa chính trị và kinh tế. Từ cuộc đua áp dụng trí tuệ nhân tạo (AI) đến những lo ngại địa chính trị ngày càng tăng, những thách thức mà các CEO ngày nay phải đối mặt là rộng lớn và phức tạp. Bên cạnh những áp lực bên ngoài này, những thách thức nội bộ như nâng cao kỹ năng của nhân lực và làm việc lại tạo đang thúc đẩy các CEO thích nghi tốt hơn với việc quản lý các bên liên quan đồng thời cũng tập trung vào tăng trưởng dài hạn.

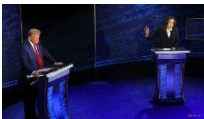
Đọc thêm về nội dung bài viết bằng tiếng Việt tại Phụ lục 2.1



[Phụ thuộc quá nhiều vào tín dụng tạo ra mất cân bằng và đình trệ](#)

Thị trường vốn của Việt Nam đang hoạt động kém hiệu quả, với sự phụ thuộc quá nhiều vào tín dụng ngân hàng và tăng trưởng trì trệ của trái phiếu doanh nghiệp và bảo hiểm, làm nổi bật nhu cầu cấp thiết về cải cách quy định và các kênh tài trợ đa dạng. Giám đốc Viện Chiến lược và Chính sách Tài chính thuộc Bộ Tài chính đã nhấn mạnh sự cần thiết của tầm nhìn dài hạn để cân bằng thị trường vốn và tiền tệ của Việt Nam.

Đọc thêm về nội dung bài viết bằng tiếng Việt tại Phụ lục 2.2

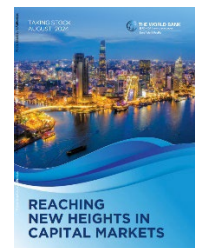


[“Chiến tranh thương mại là một trò chơi đôi bên cùng bất lợi”: Trung Quốc cân nhắc các biện pháp nhẹ hơn khi các quốc gia phương Tây chống chất thuế quan](#)

Trong khi các chính phủ phương Tây chống chất thuế quan, Bắc Kinh, về phía mình, có khả năng sẽ thận trọng để tránh kích hoạt một cuộc chiến thương mại toàn cầu, các nhà phân tích chia sẻ, bởi vì quốc gia này nhận ra những gì đang bị đặt cược cho nền kinh tế của mình. Trong quá trình này, Trung Quốc có thể điều chỉnh chiến lược thương mại của mình bằng cách tìm kiếm một điểm sáng ở Đông Nam Á để nhập khẩu hàng hóa của mình khi phương Tây tăng cường rào cản.

Đọc thêm về nội dung bài viết bằng tiếng Việt tại Phụ lục 2.3

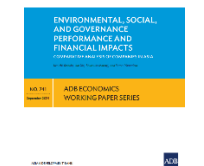
Tủ sách Doanh nghiệp



[Báo cáo của World Bank: Tháng 8 năm 2024 - Đạt đến tầm cao mới trên thị trường vốn](#)

Ngân hàng Thế giới cho biết hôm nay trong một báo cáo mới rằng, tăng trưởng kinh tế của Việt Nam dự kiến sẽ tăng tốc vào năm 2024, do sự phục hồi của xuất khẩu chế biến và du lịch, cũng như tiêu dùng và đầu tư kinh doanh đang hồi phục. Theo báo cáo mới nhất của Ngân hàng về "Đánh giá tình hình" (Taking Stock), kinh tế Việt Nam dự kiến sẽ tăng trưởng 6,1% vào năm 2024 và 6,5% vào cả năm 2025 và 2026, tăng từ 5% năm ngoái. Báo cáo nhấn mạnh sự kiên cường của nền kinh tế Việt Nam bất chấp những thách thức toàn cầu đang gia tăng.

Đọc thêm về nội dung báo cáo tại Phụ lục 3.1, và đọc báo cáo đầy đủ bằng tiếng Anh [tại đây](#)



[Báo cáo của ADB: Hiệu suất Môi trường, Xã hội và Quản trị và Tác động Tài chính: Phân tích so sánh các công ty ở châu Á](#)

Bài báo này nghiên cứu hiệu suất về môi trường, xã hội và quản trị (ESG) và tác động tài chính trên 38 nền kinh tế, tập trung chủ yếu vào các công ty châu Á. Những phát hiện chính bao gồm: sự khác biệt đáng kể trong đánh giá ESG giữa các cơ quan xếp hạng lớn, còn nhiều dư địa để nâng cao hiệu suất ESG của các công ty ở châu Á, và tác động tài chính mạnh hơn của các hoạt động ESG ở Đông Nam Á.

Đọc thêm về nội dung báo cáo tại Phụ lục 3.2, và đọc báo cáo đầy đủ bằng tiếng Anh [tại đây](#)



[Báo cáo của ADB: Thúc đẩy đầu tư tiết kiệm năng lượng và ít carbon cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ thông qua lĩnh vực tài chính](#)

Các khoản đầu tư vào hiệu quả năng lượng và hạ tầng thông minh với khí hậu (CSI) có thể giảm đáng kể chi phí năng lượng và phát thải khí nhà kính (GHG). Mục đích của nghiên cứu này là phác thảo những cơ hội đầu tư khả thi cho các tổ chức tài chính khu vực tư nhân.

Đọc thêm về nội dung báo cáo tại Phụ lục 3.3, và đọc báo cáo đầy đủ bằng tiếng Anh [tại đây](#)



[Báo cáo của KPMG: Tương lai của rủi ro: Xây dựng một chức năng rủi ro đáng tin cậy để thành công trong một thế giới rủi ro hơn](#)

Ngày nay, quản lý rủi ro khó khăn hơn bao giờ hết. Các doanh nghiệp đang phải đối mặt với một loạt các rủi ro về danh tiếng, môi trường, quy định và xã hội. Tiếc rằng việc sử dụng cùng một công thức và chỉ đơn thuần tăng quy mô quản lý rủi ro của doanh nghiệp đã không còn khả thi. Con đường phía trước đòi hỏi ban lãnh đạo C-suite phải thay đổi tư duy của mình để hoàn toàn chấp nhận rủi ro như một yếu tố kích hoạt và một tài sản có thể thúc đẩy giá trị của các bên liên quan.

Đọc thêm về nội dung báo cáo tại Phụ lục 3.4, và đọc báo cáo đầy đủ bằng tiếng Anh [tại đây](#)

Lịch sự kiện

Sự kiện	Địa điểm	Thời gian	Diễn giả/Thành phần tham dự & Ngôn ngữ	Đăng ký
VCCI: Khóa đào tạo “Phòng chống rủi ro kê khai thuế thu nhập cá nhân”	Tòa nhà VCCI, Tầng 7, số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội	02/10-03/10/2024	Giảng viên: Viện Kiểm toán kế toán- Đại học Kinh tế Quốc dân	Tại đây
VCCI: Khai phá tiềm năng thị trường tại Hồng Kông: Cửa ngõ tăng trưởng kinh doanh quốc tế cho doanh nghiệp Việt Nam	Phòng họp Hoàng Thành, tầng 2, Khách sạn Công đoàn 14 Trần Bình Trọng, Hoàn Kiếm, Hà Nội	03/10/2024 08:30-11:00	Ban tổ chức: - Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) - Văn phòng Kinh tế và Thương mại Hồng Kông (HKETO) tại Singapore - Phòng Xúc tiến Đầu tư Hồng Kông (InvestHK)	Tại đây
VCCI: Đoàn khảo sát thị trường – Chương trình tham dự Triển lãm WEFTEC 2024	TP. New Orleans, Bang Louisiana, Hoa Kỳ	04/10-11/10/2024	Thành phần tham dự: Doanh nghiệp của Hoa Kỳ và các nước khác hoạt động trong các lĩnh vực: xử lý nước uống, xử lý nước thải, hóa chất xử lý nước, hệ thống điều khiển, tự động hóa, hệ thống ống dẫn nước, van, hệ thống an toàn, thiết bị thí nghiệm ngành nước.	Tại đây
VCCI: Tham dự Chương trình Kỷ niệm 20 năm ngày Doanh nhân Việt Nam 13/10	Khách sạn Sheraton Cần Thơ. Số 209 Đ. 30 Tháng 4, Ninh Kiều, Cần Thơ	06/10/2024 16:00-19:00	Thành phần tham dự: Lãnh đạo UBND tỉnh, sở ban ngành, hiệp hội doanh nghiệp và các doanh nhân	Tại đây
VCCI: Khóa học: Nghiệp vụ Xuất nhập khẩu-Khai hải quan thực tế	Trực tuyến và trực tiếp	Khai giảng: 08/10/2024	Giảng viên: - TS. Nguyễn Tiến Đà, đang giảng dạy, kinh doanh XNK/log với kinh nghiệm hơn 30 năm - Đội ngũ GV có trình độ ThS và bề dày kinh nghiệm, thường xuyên đào tạo bồi dưỡng các lớp kinh doanh XNK, Logistics, chuyên đề tại Miền Trung, Tây Nguyên.	Tại đây
VCCI: Hội chợ Triển lãm Trade Expo Indonesia 2024	Trung tâm hội nghị Indonesia (ICE) – BSD City	09-12/10/2024 08:00-17:00	Thành phần tham dự: Các nhà trưng bày trong nhiều lĩnh vực như thực phẩm đồ uống, nông nghiệp, công nghiệp sản xuất, thời trang, nội thất, v.v.	Tại đây
VCCI: Khảo sát vấn đề về thuế, hải quan, chuẩn bị hội nghị đối thoại 2024	Hà Nội	10/10/2024	Ban tổ chức: - Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) - Bộ Tài Chính	Tại đây
VCCI: Hội nghị với các Hiệp hội doanh nghiệp toàn quốc năm 2024 và Kỷ niệm ngày Doanh nhân Việt Nam (13/10)	Hà Nội	10/10/2024	Thành phần tham dự: đại diện lãnh đạo Đảng và Nhà nước, một số Bộ Ngành có liên quan đến quản lý và hỗ trợ hoạt động của doanh nghiệp và HHĐN, một số chuyên gia độc lập.	Tại đây
VCCI: Khóa đào tạo “Bứt phá quý IV – Chinh phục mục tiêu kinh doanh trước khi quá muộn!”	Hội trường Lầu 10, VCCI-HCM, 171, Võ Thị Sáu, Q.3, TP.HCM	10/10-11/10/2024	Diễn giả: - Ông Đinh Ngọc Thi, Founder BrainUp Training & Coaching, Tổng giám đốc VietNamSale	Tại đây

VCCI: Diễn đàn “Cải cách Thuế - Hải quan vì sự phát triển bền vững của doanh nghiệp”	Trung tâm Hội nghị Quốc tế, số 11 Lê Hồng Phong, TP. Hà Nội	16/10/2024 13:30-17:00	Khách mời: Đại diện đại biểu Quốc hội; đại diện lãnh đạo Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan và đơn vị chức năng của Bộ Tài chính; Lãnh đạo các cơ quan quản lý, các hiệp hội doanh nghiệp, doanh nghiệp.	Tại đây
VCCI: Hội thảo kinh doanh với chủ đề: Moscow – Hà Nội: tiềm năng hợp tác trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe và dược phẩm	Khách sạn Melia Hà Nội - 44 Lý Thường Kiệt, Hà Nội	21/10/2024 08:00-18:00	Thành phần tham dự: - Sở kinh tế đối ngoại và Quan hệ Quốc tế Moscow - Đoàn doanh nghiệp Liên bang Nga	Tại đây
KPMG: Khóa học Ondemand “Hàng tồn kho và kế toán giá thành”	Văn phòng KPMG TP Hồ Chí Minh	23/10/2024 13:30-16:30	Diễn giả là các chuyên gia đến từ KPMG: - Bà Dương Thị Thảo, Trưởng phòng kiểm toán cấp cao Dịch vụ Kiểm toán, Tư vấn Kế toán - Ông Nghệ Cát Tường, Phó phòng kiểm toán Dịch vụ Kiểm toán, Tư vấn Kế toán	Tại đây
KPMG x BUIIM Group: Hội nghị thượng đỉnh về lưu trữ năng lượng và gió ngoài khơi Việt Nam lần thứ 7	Khách sạn New World Saigon, TP.HCM, Việt Nam	29/10/2024	Diễn giả là chuyên gia đến từ KPMG: - Bà Đỗ Thị Thu Hà, Phó Tổng Giám đốc, Lãnh đạo Khối Dịch vụ Hỗ trợ Phát triển Quốc tế, khu vực Châu Á - Thái Bình Dương	Tại đây
KPMG: Khóa học Ondemand “Doanh thu và thu nhập khác”	Văn phòng KPMG TP Hồ Chí Minh	04/11/2024 13:30-16:30	Diễn giả là các chuyên gia đến từ KPMG: - Bà Dương Thị Thảo, Trưởng phòng kiểm toán cấp cao Dịch vụ Kiểm toán, Tư vấn Kế toán - Ông Nghệ Cát Tường, Phó phòng kiểm toán Dịch vụ Kiểm toán, Tư vấn Kế toán	Tại đây
KPMG: Khóa học Ondemand “Lập và trình bày báo cáo tài chính”	Văn phòng KPMG TP Hồ Chí Minh	19/11/2024 8:30-11:30	Diễn giả là các chuyên gia đến từ KPMG: - Ông Lê Hoài Phong, Trưởng phòng kiểm toán Dịch vụ Kiểm toán, Tư vấn Kế toán - Bà Đặng Tuyết Hà, Phó phòng kiểm toán Dịch vụ Kiểm toán, Tư vấn Kế toán	Tại đây

Theo dõi và cập nhật các sự kiện của VCCI [tại đây](#), và các sự kiện của KPMG [tại đây](#).

Trung tâm Truyền thông và Thông tin Kinh tế (BIZIC) – Đơn vị trực thuộc Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) phối hợp cùng Công ty KPMG tại Việt Nam

Bản quyền © 2010 bởi Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam – VCCI

© 2024 Công ty TNHH KPMG, Công ty TNHH Thuế và Tư vấn KPMG, Công ty Luật TNHH KPMG, Công ty TNHH Dịch vụ KPMG, đều là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Việt Nam và là công ty thành viên trong tổ chức toàn cầu của các công ty KPMG độc lập, liên kết với KPMG International Limited, một công ty trách nhiệm hữu hạn theo bảo lãnh được thành lập tại Vương Quốc Anh. Tất cả các quyền được bảo hộ.



Thông tin kinh tế hàng tháng

Bản tin số 27: Tháng 10/2024

Tài chính, Kinh tế & Thương mại

PHỤ LỤC 1.1

Chính phủ Việt Nam tìm cách phát triển thị trường nội địa: Ý nghĩa đối với thương mại điện tử

Thủ tướng Việt Nam đã ban hành chỉ thị nhằm thúc đẩy nhu cầu, hỗ trợ sản xuất và phát triển thị trường, bao gồm cả thương mại điện tử, để củng cố nền kinh tế trong nước. Chỉ thị 29/CT-TTg, ngày 27 tháng 8 năm 2027 (sau đây gọi là “Chỉ thị 29”), tập trung vào việc thúc đẩy nhu cầu, hỗ trợ sản xuất và kinh doanh, cũng như phát triển thị trường trong nước tại Việt Nam. Chỉ thị này đánh dấu một nỗ lực khác của nền kinh tế phụ thuộc vào xuất khẩu nhằm nâng cao vai trò của thị trường nội địa cho các doanh nghiệp có trụ sở tại Việt Nam.

Việt Nam ngày càng tập trung vào thị trường nội địa

Trong nhiều thập kỷ, tăng trưởng kinh tế của Việt Nam chủ yếu được thúc đẩy bởi công nghiệp hóa định hướng xuất khẩu. Tuy nhiên, sự phụ thuộc vào nhu cầu bên ngoài này đã khiến đất nước dễ bị tổn thương trước những biến động kinh tế toàn cầu. Các chuyên gia từ lâu đã kêu gọi Việt Nam giảm sự phụ thuộc vào xuất khẩu và củng cố thị trường nội địa.

Đầu năm nay, các chuyên gia địa phương đã kêu gọi cả doanh nghiệp và chính phủ ưu tiên thị trường nội địa. Các chuyên gia nhấn mạnh rằng bên cạnh đầu tư công và xuất khẩu, nhu cầu tiêu dùng trong nước là yếu tố quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế bền vững. Với dân số hơn 100 triệu người và sức mua đáng kể, thị trường nội địa của Việt Nam là một cơ hội hấp dẫn cho cả doanh nghiệp trong nước và nước ngoài. Theo ông Nguyễn Quốc Việt, Phó Giám đốc Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách Việt Nam (VEPR), tiêu dùng nội địa và lĩnh vực dịch vụ đóng góp 75-80% vào tăng trưởng GDP 5,33% của Việt Nam trong quý III năm 2023.

Mục tiêu chính của Chỉ thị 29

Chỉ thị 29 ban hành các nhiệm vụ cụ thể cho các bộ, ngành có thẩm quyền thực hiện các chính sách cần thiết để hỗ trợ tăng trưởng thị trường nội địa, đạt được các mục tiêu sau:

- Thực hiện nhanh chóng các dự án đầu tư tạo năng lực sản xuất mới:** Chính phủ sẽ tập trung xem xét, ưu tiên giải pháp tháo gỡ khó khăn trong giải ngân vốn đầu tư công, gói tín dụng, đất đai và chính sách thu hút nguồn lực xã hội tham gia vào các dự án phù hợp với quy mô thị trường và tín hiệu thị trường.
- Thúc đẩy thị trường nội địa:** Ban hành chính sách mới khuyến khích tiêu dùng và đầu tư vào các lĩnh vực sản xuất trong nước có lợi thế và thị trường nội địa có nhu cầu.
- Xem xét, ban hành chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nội địa:** Các doanh nghiệp sẽ được hỗ trợ để tiếp tục tích hợp vào chuỗi cung ứng sản phẩm công nghiệp hỗ trợ cho các doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.
- Khởi xướng các giải pháp kết nối vùng:** Các giải pháp này nhằm giảm chi phí vận chuyển, tạo điều kiện thuận lợi cho lưu thông hàng hóa giữa các vùng và hỗ trợ các doanh nghiệp chuyển hướng đầu tư sang các vùng có lợi thế về yếu tố như địa điểm kinh doanh, nguồn lao động dồi dào và chi phí lao động thấp để giảm chi phí sản xuất.
- Áp dụng công nghệ mới:** Các bộ, ngành, địa phương triển khai công nghệ chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn và công nghệ blockchain để tiếp tục thúc đẩy cải cách hành chính và đơn giản hóa thủ tục.
- Thúc đẩy thương mại thị trường nội địa:** Các cơ quan có thẩm quyền được giao nhiệm vụ tổ chức hoạt động xúc tiến thương mại để kết nối cung cầu, cung cấp thông tin thị trường và tư vấn pháp lý cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ.
- Nêu bật chiến dịch “Người Việt ưu tiên dùng hàng Việt”:** Chính phủ Việt Nam sẽ tiếp tục thực hiện nghiêm túc Chỉ thị 03-CT/TW, Chỉ thị 28/CT-TTg về tăng cường chiến dịch “Người Việt ưu tiên dùng hàng Việt” trong tình hình mới.

Các bộ, ngành và doanh nghiệp liên quan:

- Bộ Công Thương
- Bộ Tài chính

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- Bộ Xây dựng
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư
- Ủy ban nhân dân các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương
- Hiệp hội, tập đoàn, công ty tổng công ty ngành công nghiệp

Ảnh hưởng đến thương mại điện tử của Việt Nam

Liên quan đến các mục tiêu chung, Chỉ thị 29 đã phác thảo các mục tiêu cụ thể hơn về những gì chính phủ muốn đạt được thông qua các nỗ lực của mình. Nhiều trong số này có nghĩa là một vai trò nổi bật hơn cho thương mại điện tử, đi kèm với các quy định chặt chẽ hơn.

Xây dựng thương mại điện tử tập trung vào sản phẩm nội địa

Bộ Công Thương sẽ thúc đẩy việc thực hiện các giải pháp liên kết sản xuất với phân phối hàng hóa, tăng cường liên kết trong chuỗi giá trị hàng hóa và hình thành chuỗi hàng hóa thuần Việt. Bộ Công Thương cũng chịu trách nhiệm phối hợp với các địa phương tăng cường hoạt động kết nối cung cầu, cũng như đưa hàng hóa đến các vùng sâu vùng xa và các khu công nghiệp để kích thích tiêu dùng nội địa.

Thương mại điện tử được coi là một phần quan trọng của những nỗ lực này, khi bộ này được giao nhiệm vụ khuyến khích các nền tảng thương mại điện tử hoạt động tại Việt Nam thực hiện các chương trình hỗ trợ tiêu dùng nội địa hàng hóa Việt Nam. Bộ cũng sẽ tổ chức các hoạt động thúc đẩy liên kết vùng trong thương mại điện tử và các hoạt động xúc tiến thương mại điện tử xuyên biên giới với các nước trong khu vực và các thị trường nhập khẩu chính.

Quy định chặt chẽ hơn đối với hàng nhập khẩu thông qua nền tảng thương mại điện tử

Một trong những điều khoản có tác động lớn nhất của Chỉ thị 29 liên quan đến hoạt động thương mại điện tử là khả năng quy định chặt chẽ hơn đối với hàng nhập khẩu.

Theo đó, Bộ Tài chính được chỉ đạo:

- Phối hợp với Bộ Công Thương tìm kiếm giải pháp mới để siết chặt kiểm soát hàng nhập khẩu thông qua nền tảng thương mại điện tử, phù hợp với cam kết quốc tế của Việt Nam;
- Phối hợp với các bộ, ngành liên quan để xem xét, đề xuất chính sách thuế đối với các dự án thu hút đầu tư sản xuất hàng hóa thay thế hàng nhập khẩu; và
- Tăng tốc thủ tục giải ngân cho các chương trình xúc tiến thương mại để thúc đẩy tiêu dùng hàng hóa sản xuất nội địa.

Bộ Tài chính sẽ tiến hành các nhiệm vụ này và thực hiện một chính sách tài khóa mở rộng khả thi phối hợp với chính sách tiền tệ và các chính sách kinh tế vĩ mô khác của Việt Nam.

Điểm mấu chốt

Hành động gần đây đáng chú ý nhất của Việt Nam để kích thích sức mua nội địa là gia hạn giảm 2% thuế giá trị gia tăng (VAT). Với việc ban hành Chỉ thị 29, chính phủ nước này đã thể hiện rõ quyết tâm thực hiện các chính sách và hỗ trợ hợp lý hơn cho thị trường nội địa, với trọng tâm lớn hơn là tiêu dùng hàng hóa sản xuất trong nước.

Xu hướng này sẽ yêu cầu các doanh nghiệp, bao gồm cả các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, phải xem xét lại kế hoạch sản xuất và chiến lược bán hàng của mình để tối đa hóa lợi ích và cập nhật chính sách và ưu đãi tiềm năng. Các nhà xuất khẩu nước ngoài và nhà nhập khẩu địa phương phải theo dõi chặt chẽ các thay đổi quy định sắp tới, đặc biệt là những người đang lên kế hoạch tiếp cận hoặc mở rộng thêm sự hiện diện trên thị trường Việt Nam thông qua các nền tảng thương mại điện tử.

PHỤ LỤC 1.2

Ý chuyển sang Việt Nam, Mexico để xuất khẩu phụ tùng ô tô nhằm đối phó với tình hình suy yếu của Đức

Ý tìm kiếm thị trường xuất khẩu mới cho phụ tùng ô tô ở Việt Nam và Mexico. Ngoại trưởng Italy, ông Antonio Tajani, cho biết Italy đang nhắm đến Mexico và Việt Nam như những thị trường xuất khẩu thay thế cho các sản phẩm phụ tùng ô tô của nước này. Lý do là họ dự đoán nhu cầu từ Đức sẽ giảm sút do khủng hoảng của Volkswagen.

Trong một cuộc họp báo bên lề diễn đàn doanh nghiệp TEHA, ông Tajani nói: "Chúng tôi nhận thức rõ tình hình mà ngành công nghiệp ô tô Đức đang phải đối mặt, và điều này có thể ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu phụ tùng ô tô của Ý."

Đó là lý do tại sao chúng tôi đang nghiên cứu để xem đâu có thể là những thị trường mà chúng tôi có thể tăng cường sự hiện diện của Ý", ông nói, đồng thời trích dẫn Mexico và Việt Nam.

Vào thứ Hai, Volkswagen - nhà sản xuất ô tô hàng đầu châu Âu về doanh thu và từ lâu là biểu tượng của sức mạnh công nghiệp của Đức - cho biết họ sẽ kết thúc sớm hơn một chương trình đảm bảo việc làm đã có từ năm 1994 và chuẩn bị cho việc đóng cửa nhà máy tại Đức. Đức là thị trường lớn nhất cho ngành công nghiệp phụ tùng ô tô của Italy, với giá trị xuất khẩu đạt 5,2 tỷ euro (5,8 tỷ đô la) vào năm ngoái, theo nhóm vận động ô tô của Italy ANFIA. (\$1 = 0.9006 euro)

PHỤ LỤC 1.3 Nghiên cứu Thị trường Toàn cầu: Việt Nam

Cải thiện không đồng đều

- Tăng trưởng xuất khẩu trung bình 17,2% so với cùng kỳ trong tháng 7 và tháng 8 so với 12,2% trong quý 2 năm 2024. Ngược lại, tăng trưởng nhập khẩu giảm nhẹ, nhấn mạnh sự phục hồi không đồng đều của nhu cầu trong nước.
- Bão Yagi đã gây ra tác động tàn khốc đến cuộc sống và sinh kế ở một số vùng miền Bắc Việt Nam. Những hậu quả kinh tế có thể quá sớm để đánh giá.
- Chúng tôi duy trì dự báo của mình về việc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) sẽ cắt giảm lãi suất chính sách của mình 50 điểm cơ bản trong nửa cuối năm 2024. Rủi ro là việc cắt giảm này bị trì hoãn đến năm 2025.

Tình trạng tăng trưởng hiện tại

Dữ liệu hoạt động tháng 8 cho thấy kết quả hỗn hợp, cho thấy sự phân kỳ liên tục giữa nhu cầu bên ngoài vững chắc và nhu cầu trong nước kém hấp dẫn. Cần xem xét xem sự phân kỳ này có thể được thu hẹp trong những tháng tới hay không, khi các nhà hoạch định chính sách tiếp tục nỗ lực thúc đẩy điều kiện nhu cầu trong nước.

Về mặt bên ngoài, tăng trưởng xuất khẩu vẫn vững chắc ở mức 14,5% so với cùng kỳ trong tháng 8 so với 20,2% trong tháng 7. Xuất khẩu các mặt hàng điện tử, trong đó chúng tôi bao gồm rộng rãi máy tính, điện thoại, điện thoại di động, máy ảnh, v.v., tiếp tục mở rộng 9,3% so với cùng kỳ mặc dù giảm tốc từ 20,5% trong tháng 7. Điều này tương tự như máy móc (31,3% so với cùng kỳ trong tháng 8 từ 37% trong tháng 7) và nông nghiệp (21,2% từ 23,4%) xuất khẩu. Tốc độ tăng trưởng của hàng dệt, may mặc & giày dép xuất khẩu cao hơn trong tháng 8 so với tháng 7.

Theo điểm đến, tăng trưởng xuất khẩu sang Hoa Kỳ vẫn vững chắc (31% so với cùng kỳ trong tháng 8 so với 30,4% trong tháng 7). Mặc dù Hoa Kỳ đã quyết định duy trì vị thế của Việt Nam là một nền kinh tế phi thị trường (NME) vào tháng 8 năm 2024, chúng tôi dự đoán tác động hạn chế đối với thương mại song phương vì chỉ định này chủ yếu ảnh hưởng đến cách đánh giá và quy định các vụ kiện chống bán phá giá. Trong khi đó, tăng trưởng xuất khẩu sang ASEAN và EU vẫn kiên cường. Điều này đã bù đắp nhiều hơn cho sự tăng trưởng xuất khẩu yếu hơn sang Trung Quốc. Đối với tháng 7 và tháng 8, tăng trưởng xuất khẩu trung bình 17,2% so với cùng kỳ so với 12,2% trong quý 2 năm 2024.

Về phía nhập khẩu, tăng trưởng giảm xuống còn 12,4% so với cùng kỳ trong tháng 8 so với 25% trong tháng 7. Điều này chủ yếu do nhập khẩu các sản phẩm điện, thiết bị máy móc và sản phẩm dầu mỏ giảm. Nhập khẩu ô tô cũng giảm tốc (45,8% so với cùng kỳ so với 63,2% trong tháng 7) nhưng vẫn mạnh mẽ, tương tự như nhập khẩu hầu hết các mặt hàng thực phẩm. Đối với tháng 7 và tháng 8, tăng trưởng nhập khẩu trung bình 18,7% so với cùng kỳ so với 19,6% trong quý 2 năm 2024. Kết quả là, thặng dư thương mại mở rộng lên 4,5 tỷ USD vào tháng 8 so với 2,4 tỷ USD vào tháng 7. Trong khi đó, tăng trưởng lượng khách du lịch đến đã cải thiện lên 17,7% so với cùng kỳ so với 10,9% trong tháng 7. Con số này đạt 95,5% so với trung bình hàng tháng của số lượng khách du lịch năm 2019. Tuy nhiên, tính đến thời điểm hiện tại, lượng khách đến đạt 11,4 triệu người, vượt mức năm 2019. Các nhà chức trách đặt mục tiêu thu hút 17-18 triệu lượt khách nước ngoài trong năm nay. Việc mở rộng hệ thống e-visa cho tất cả các quốc gia và vùng lãnh thổ, có hiệu lực từ tháng 8 năm 2023, đã giảm bớt các rào cản hậu cần cho việc đi lại và có thể có thêm hạn chế visa trong đường ống. Hơn nữa, các công ty kinh doanh khách sạn đã thành lập như Marriott và Hilton đang tăng cường triển vọng du lịch của Việt Nam.

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) có triển vọng khả quan. Tổng FDI đăng ký đã tăng 32,3% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 2,5 tỷ USD vào tháng 8. Điều này nâng tổng FDI lũy kế từ đầu năm đến tháng 8 lên 20,5 tỷ USD, tăng 13,1% so với năm trước. Ngành sản xuất tiếp tục nổi lên là lĩnh vực nhận FDI chính, chiếm 69% tổng FDI đăng ký từ đầu năm, với mức tăng 15,2% so với năm trước. Các khoản đầu tư mới (Greenfield) đạt 12 tỷ USD (+35,2% so với năm trước), tiếp theo là các khoản đầu tư bổ sung vào các dự án hiện có đạt 5,7 tỷ USD (+26,1% so với năm trước), trong khi các hoạt động mua bán sáp nhập (M&A) đạt 2,8 tỷ USD (-40,7% so với năm trước).

Phát triển sản xuất công nghiệp (IP) tương tự như tăng trưởng xuất khẩu, nhưng đã chậm lại còn 9,5% so với cùng kỳ năm ngoái vào tháng 8, so với 11,2% vào tháng 7, nhưng vẫn mạnh mẽ. Tăng trưởng IP trong ngành sản xuất đã giảm còn 10,6% so với cùng kỳ năm ngoái vào tháng 8, so với 13,3% vào tháng 7, tương tự như tăng trưởng IP trong lĩnh vực điện và gas (8,9% so với 9,9% vào tháng 7). Tăng trưởng IP trong lĩnh vực khai thác và cung cấp nước/quản lý chất thải đã tăng lên trong tháng 8 so với tháng 7. Trong tháng 7 và tháng 8, mức tăng trưởng IP trung bình đạt 10,4% so với cùng kỳ năm ngoái, so với 8,7% trong quý 2 năm 2024.

Dấu hiệu nhu cầu trong nước vẫn còn hỗn hợp

Tăng trưởng sản xuất công nghiệp yếu hơn ở các lĩnh vực như xi măng và điện cho thấy một phần nào đó sự chậm lại trong doanh thu bán lẻ vào tháng 8 (tăng 7,9% so với cùng kỳ năm ngoái, so với 9,4% vào tháng 7). Động lực tăng trưởng vẫn yếu trong quý 3 năm 2024, với tăng trưởng doanh thu bán lẻ trung bình cho tháng 7 và tháng 8 giảm xuống còn 8,7% so với cùng kỳ năm ngoái, so với 9,2% trong quý 2 năm 2024. Sự giảm sút này chủ yếu do chi tiêu yếu hơn trong các lĩnh vực liên quan đến du lịch cũng như dịch vụ “chỗ ở, ăn uống”, trong khi doanh số bán hàng hóa vẫn giữ nguyên ở mức 8,0% trong tháng 7 và tháng 8 (quý 2 năm 2024: 7,8%).

Tăng trưởng tín dụng, tuy nhiên, đang có dấu hiệu cải thiện, tăng lên 15,3% so với cùng kỳ năm ngoái vào tháng 6, được hỗ trợ bởi sự tăng trưởng ở hầu hết các lĩnh vực chủ chốt, bao gồm nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng và thương mại. Điều này phù hợp với nỗ lực của chính phủ trong việc thúc đẩy tăng trưởng tín dụng và đạt mục tiêu tăng trưởng cho vay hàng năm là 15%. Thực tế, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam gần đây đã lưu ý rằng mục tiêu tăng trưởng cho vay của năm nay có thể đạt được.

Nhưng hỗ trợ chính sách ngày càng trở nên rõ ràng

Hỗ trợ chính sách nhằm thúc đẩy nhu cầu trong nước đã trở nên rõ ràng hơn trong quý 3 năm 2024. Chủ tịch nước đã thúc đẩy việc thực hiện các luật liên quan đến đất đai, nhà ở và thị trường bất động sản có hiệu lực từ ngày 1 tháng 8 năm 2024, thay vì năm 2025. Các luật này bao gồm Luật Đất đai 2024, Luật Kinh doanh Bất động sản 2023 và Luật Nhà ở 2023.

Các thay đổi chính sách gần đây khác cũng nhằm hỗ trợ sức mua. Mức lương tối thiểu vùng đã được tăng 6% và lương cơ bản cho cán bộ công chức tăng 30% (tức là mức lương tối thiểu chung), cùng với việc tăng 15% lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội. Tất cả các thay đổi này có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2024.

Mặc dù mức tăng lương tối thiểu cao hơn so với năng suất lao động (sản lượng trên mỗi người lao động), nhưng mức lương tối thiểu vùng của Việt Nam vẫn là thấp nhất trong khu vực, giúp nước này giữ được một phần lợi thế cạnh tranh.

Chính sách tài khóa, vốn chưa đạt yêu cầu trong nửa đầu năm 2024, đang cho thấy dấu hiệu cải thiện, mặc dù còn chậm. Tăng trưởng chi đầu tư nhà nước đã tăng lên 2,1% so với cùng kỳ năm ngoái vào tháng 8, so với -2,0% vào tháng 7, dẫn đầu bởi chi tiêu của chính quyền địa phương. Theo bộ, các khoản giải ngân cao hơn từ bộ xây dựng nhưng yếu hơn từ bộ giao thông. Thực tế, Thủ tướng đã kêu gọi tăng tốc các dự án hạ tầng quốc gia quan trọng tại cuộc họp thứ 13 của ban chỉ đạo nhà nước vào đầu tháng 8.

Những trận lũ lụt ở miền Bắc Việt Nam, tồi tệ nhất trong nhiều thập kỷ, đã cướp đi nhiều sinh mạng và sinh kế, hiện đang là ưu tiên hàng đầu của chính quyền. Bão Yagi đã đổ bộ vào ngày 7 tháng 9 và cho đến nay đã ảnh hưởng đến 26 tỉnh. Một số khu vực bị ảnh hưởng bao gồm thành phố Hải Phòng, nơi có nhiều khu công nghiệp và nhà máy, cùng với thủ đô Hà Nội. Tỷ trọng của Hải Phòng trong tổng GDP là 4,3% vào năm 2022, trong khi Hà Nội là 14%. Các quận bị ảnh hưởng trực tiếp bởi lũ lụt chiếm 12,7% tổng xuất khẩu (tính đến thời điểm hiện tại). Tuy nhiên, toàn bộ khu vực miền Bắc chiếm 55% tổng xuất khẩu (tính đến thời điểm hiện tại).

Trong thời gian khó khăn này, chính quyền đã chủ động trong phản ứng của mình. Chính phủ đã tăng cường nỗ lực phục hồi, bao gồm việc phân bổ 4,3 triệu USD để hỗ trợ khu vực Hải Phòng trong việc khôi phục cơ sở hạ tầng thiết yếu, bao gồm trường học, bệnh viện và mạng lưới giao thông. Ngoài ra, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (SBV) cũng đã kêu gọi các tổ chức tài chính hỗ trợ quá trình phục hồi bằng cách cung cấp các biện pháp giảm nợ như tái cấu trúc các điều khoản trả nợ, giảm lãi suất và cung cấp các khoản tín dụng mới. Những sáng kiến này nhằm giúp các doanh nghiệp khôi phục hoạt động, đặc biệt trong các lĩnh vực bị ảnh hưởng nặng nề.

Kết quả là dự báo tăng trưởng GDP năm 2024 của chúng tôi vẫn giữ ở mức 6,0% so với 5,1% trong năm 2023. Tuy nhiên, với mức tăng trưởng trung bình 6,4% trong nửa đầu năm 2024, dự báo cả năm của chúng tôi ngụ ý một sự điều chỉnh trong nửa sau năm 2024. Do đó, chúng tôi không loại trừ khả năng tăng trưởng quý 3 năm 2024 có thể giảm xuống dưới 6% (dự kiến công bố vào ngày 6 tháng 10) so với 6,9% trong quý 2 năm 2024.

Áp lực giá cả vẫn nằm trong tầm kiểm soát

Lạm phát tổng thể và lạm phát cơ bản đã giảm xuống còn 3,5% so với cùng kỳ năm ngoái và 2,5% lần lượt vào tháng 8, từ 4,4% và 2,6% vào tháng 7. Đặc biệt, lạm phát thực phẩm giảm xuống còn 3,7% so với cùng kỳ năm ngoái vào tháng 8, so với 4,3% vào tháng 7, trong khi lạm phát giao thông giảm xuống còn -1,5% so với cùng kỳ năm ngoái vào tháng 8, so với 4,4% vào tháng 7.

Mức lạm phát trong tháng 8 đưa CPI trung bình từ đầu năm đến nay ở mức 4,0%, nằm ở mức thấp nhất trong phạm vi mục tiêu chính thức 4,0-4,5%. Dự báo cả năm 2024 của chúng tôi cho rằng lạm phát tổng thể sẽ trung bình 4,3% trong năm 2024, cho thấy một sự tăng nhẹ trong lạm phát trong những tháng tới. Hơn nữa, giá thực phẩm có thể tăng do nhiều khu vực vừa bị ảnh hưởng bởi lũ lụt là đất nông nghiệp.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam giữ các lựa chọn mở

Từ góc độ chính sách tiền tệ, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) được cho rằng sẽ giữ các lựa chọn mở. Với sự phục hồi kinh tế vẫn chưa đồng đều và áp lực lạm phát nằm trong tầm kiểm soát, NHNN có không gian để giảm lãi suất chính sách. Hơn nữa, áp lực từ bên ngoài về việc giảm giá đồng VND đã được kiềm chế hơn. Tính đến ngày 13 tháng 9, VND đã tăng 3,6% so với USD trong quý này, phù hợp với các đồng tiền khu vực. Việc bắt đầu rõ ràng chu kỳ nói lỏng của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ vào ngày 18 tháng 9 dự kiến sẽ tiếp tục hỗ trợ xu hướng này. Do đó, kịch bản cơ sở vẫn là SBV sẽ thực hiện tổng cộng 50 điểm cơ bản trong việc cắt giảm lãi suất vào năm 2024. Rủi ro là những cắt giảm này có thể bị đẩy sang năm 2025, nếu tăng trưởng kinh tế bất ngờ vượt kỳ vọng trong nửa sau năm 2024.

Góc nhìn Chuyên gia

PHỤ LỤC 2.1 Triển vọng CEO 2024 của KPMG

Các CEO hàng đầu vượt qua biến động toàn cầu bằng cách đầu tư lớn vào AI

Điều hướng một thập kỷ gián đoạn: Mười năm nghiên cứu Triển vọng CEO của KPMG cho thấy sự tự tin của các CEO vào tương lai của tổ chức của họ, bất chấp sự biến động địa chính trị và kinh tế.

Từ cuộc đua áp dụng trí tuệ nhân tạo (AI) đến những lo ngại địa chính trị ngày càng tăng, những thách thức mà các CEO ngày nay phải đối mặt là rộng lớn và phức tạp. Bên cạnh những áp lực bên ngoài này, những thách thức nội bộ như nâng cao kỹ năng của nhân lực và làm việc lại tạo đang thúc đẩy các CEO trở nên nhanh nhẹn và thích nghi trong việc quản lý các bên liên quan đồng thời cũng chú ý đến tăng trưởng dài hạn.

Được ra mắt lần đầu tiên trên toàn cầu 10 năm trước, Triển vọng CEO của KPMG khảo sát hơn 1.300 nhà lãnh đạo kinh doanh toàn cầu giám sát các công ty có doanh thu ít nhất là 500 triệu đô la Mỹ từ một số nền kinh tế lớn nhất thế giới và các ngành công nghiệp quan trọng.

10 năm qua đã được định nghĩa bởi sự biến động, từ những cú sốc kinh tế và xã hội của đại dịch COVID-19 đến sự hồi sinh của lạm phát và căng thẳng địa chính trị. Đối mặt với điều này, các nhà lãnh đạo đã phải thích nghi với một loạt thách thức chưa từng có không chỉ đặt áp lực lớn hơn lên vai các CEO mà còn dẫn đến sự suy giảm niềm tin vào nền kinh tế toàn cầu.

Tuy nhiên, các nhà lãnh đạo toàn cầu vẫn kiên cường, dẫn dắt doanh nghiệp của họ trên con đường tăng trưởng bền vững. Các nhà lãnh đạo toàn cầu tiếp tục tạo nền tảng vững chắc bằng cách đầu tư lớn vào AI và củng cố lực lượng lao động của họ để thích ứng với nhu cầu kinh doanh đang phát triển. Cuộc khảo sát năm nay cho thấy các CEO lạc quan về tương lai của tổ chức của họ, với 92% nhà lãnh đạo muốn tăng tổng số nhân viên của họ, nhưng cũng nhận ra rằng họ cần chứng minh giá trị đề xuất của nhân viên tăng lên để thu hút và giữ chân nhân tài. Sự cân bằng giữa tham vọng và thận trọng phù hợp sẽ là chìa khóa khi nói đến các vấn đề ESG nếu các CEO muốn tránh sự chỉ trích của các bên liên quan và, quan trọng hơn, làm điều đúng đắn.

“Mười năm qua đã được định hình bởi bối cảnh biến động và thay đổi, từ đại dịch toàn cầu đến lạm phát tăng cao và sự trở dậy của AI. Đối mặt với những áp lực như vậy, các CEO kiên định về nhu cầu đầu tư vào tương lai. Biến động yêu cầu các nhà lãnh đạo phải kiên cường, nhanh nhẹn và sáng tạo hơn bao giờ hết. Khi nhìn về phía trước trong mười năm tới, các CEO đặt ra chiến lược táo bạo để thích nghi với thế giới đang thay đổi nhanh chóng của chúng ta và đầu tư vào công nghệ và tài năng phù hợp để biến kế hoạch của họ thành hiện thực, có thể mang lại tăng trưởng bền vững, lâu dài.” - Bill Thomas, Chủ tịch & CEO KPMG Quốc tế.

Tầm nhìn kinh tế

Sự tăng trưởng kinh doanh bị thách thức bởi tốc độ của công nghệ

Trong thập kỷ qua, sự tự tin của các CEO vào nền kinh tế toàn cầu đã suy giảm, phản ánh sự phức tạp ngày càng tăng của môi trường mà họ phải đối mặt. Mặc dù sự tự tin đã tương đối ổn định trong ba năm qua, với 72% CEO lạc quan về nền kinh tế, nhưng đây đánh dấu một sự thay đổi đáng kể so với mức 93% mạnh mẽ được thấy vào năm 2015 khi cuộc khảo sát lần đầu tiên được ra mắt.

Sự phức tạp và đa dạng ngày càng tăng của các yêu cầu lãnh đạo một tổ chức lớn đang được các CEO cảm nhận rõ ràng, với gần ba phần tư (72%) thừa nhận họ cảm thấy chịu nhiều áp lực hơn để đảm bảo sự thịnh vượng lâu dài cho doanh nghiệp của mình.

Áp lực bổ sung mà các CEO cảm thấy có thể được quy cho một danh sách các mối đe dọa đối với tăng trưởng kinh doanh đang phát triển với cuộc khảo sát năm nay cho thấy các CEO lo ngại nhất về tác động của gián đoạn chuỗi cung ứng và các vấn đề hoạt động đối với tăng trưởng của doanh nghiệp của họ trong ba năm tới, vượt trên an ninh mạng và thậm chí cả mối đe dọa số một năm ngoái - địa chính trị và bất ổn chính trị.

Những rủi ro hàng đầu trong mười năm qua

Mười năm dữ liệu khảo sát chứng minh cách các nhà lãnh đạo đã tìm cách tạo ra sự tự tin trong tăng trưởng kinh doanh, từ tăng cường đầu tư vào đổi mới và công nghệ, đến đặt trọng tâm mới vào đề xuất giá trị nhân viên và đổi mới cam kết của họ đối với ESG và bền vững như một nguồn tạo giá trị.

Nhìn kỹ hơn vào ba năm tới, những người trả lời khảo sát đã xác định các ưu tiên hoạt động hàng đầu của họ là thúc đẩy số hóa và kết nối trong toàn bộ doanh nghiệp của họ (18%), hiểu và triển khai AI tạo sinh trong toàn bộ doanh nghiệp và nâng cao kỹ năng của nhân viên của họ (13%), và thực hiện các sáng kiến ESG (13%).

Bằng cách chuẩn bị cho tương lai doanh nghiệp của mình cho một thế giới kỹ thuật số và tập trung vào nuôi dưỡng và giữ chân nhân tài tuyệt vời, các CEO không chỉ giải quyết nhu cầu hoạt động ngay lập tức của họ mà còn định vị tổ chức của họ để tăng trưởng bền vững.

Công nghệ và AI tạo sinh

AI là trọng tâm khi sự cấp thiết xung quanh việc áp dụng tăng tốc

“Khi KPMG lần đầu tiên ra mắt Triển vọng CEO mười năm trước, các công nghệ AI đơn giản không phải là điều mà mọi người nói đến. Đến ngày nay, nó hiện là trọng tâm của các nhà lãnh đạo kinh doanh, với lực lượng lao động háo hức đón nhận những khả năng dường như vô tận mà công nghệ tạo ra. Mặc dù tôi rất khuyến khích các CEO được khảo sát đang tiếp cận AI một cách nghiêm túc và đầu tư vào đổi mới và công nghệ, điều quan trọng là sự vội vàng áp dụng không đến với chi phí triển khai thực sự, đạo đức và chuyển đổi. AI có thể tăng giá trị cho mọi khía cạnh của kinh doanh, nhưng tất cả nhân viên cần phải là một phần của hành trình đó. Với việc nâng cao kỹ năng đúng cách và tập trung vào mở khóa tiềm năng thực sự của AI, có cơ hội cho cộng đồng doanh nghiệp đóng một vai trò lớn trong việc chuyển dịch nền kinh tế thế giới trở lại quỹ đạo tăng trưởng bền vững, lâu dài.” - David Rowlands, Giám đốc toàn cầu về AI, KPMG Quốc tế.

Đối với các CEO được khảo sát, đổi mới công nghệ là lực lượng phá vỡ duy nhất lớn nhất trong 10 năm qua, với công nghệ mới nổi và phá vỡ được xếp vào ba rủi ro hàng đầu đối với tăng trưởng trong sáu trong chín cuộc khảo sát trước đó.

Khi KPMG lần đầu tiên ra mắt Triển vọng CEO một thập kỷ trước, các công nghệ AI đang thu hút sự chú ý với những bước đột phá trong các lĩnh vực như nhận dạng hình ảnh, xử lý ngôn ngữ tự nhiên và phương tiện tự hành. Vào năm 2024, đa số (64%) các CEO toàn cầu cho biết họ sẽ đầu tư vào AI bất kể điều kiện kinh tế. Và mặc dù các trường hợp sử dụng AI ngày nay tạo ra nhiều tiếng vang trong diễn ngôn công chúng, các CEO toàn cầu nhận ra nhu cầu nắm bắt những thách thức phía trước, xem xét tiềm năng của AI trong việc chuyển đổi mọi khía cạnh của cuộc sống hàng ngày của chúng ta.

Nâng cao kỹ năng nhân lực là một mảnh ghép quan trọng của câu đố AI

Mặc dù có những lo ngại công khai về rủi ro của sự dư thừa, các CEO nhận ra tiềm năng chuyển đổi của AI và vẫn tự tin rằng nó sẽ không có tác động bất lợi đến lực lượng lao động, với hơn ba phần tư (76%) các CEO dự đoán AI sẽ không làm giảm đáng kể số lượng việc làm trong tổ chức của họ trong ba năm tới. Tuy nhiên, các CEO cũng nhận ra rằng nhân viên của họ sẽ cần phải thích nghi để tận dụng tối đa cơ hội, khi được hỏi về sự sẵn sàng cho AI hiện tại của tổ chức của họ, chỉ có 38% CEO tự tin rằng nhân viên của họ có kỹ năng phù hợp để tận dụng tối đa lợi ích. Hơn nữa, 58% đồng ý rằng việc tích hợp AI tạo sinh đã khiến họ suy nghĩ lại về các kỹ năng cần thiết cho các vai trò cấp nhập cảnh.

Nơi các CEO đầu tư sẽ là chìa khóa

Cam kết ngày càng tăng đối với AI cho thấy các CEO toàn cầu đang xây dựng trên đà chi tiêu vốn được chứng kiến năm ngoái, khi tất cả các CEO đều nói rằng họ dự định đầu tư vào AI dưới một số hình thức. Họ nhận ra tiềm năng của AI trong việc tăng cường hiệu quả và năng suất (16%), nâng cao kỹ năng của nhân lực để sẵn sàng cho tương lai (14%) và tăng cường đổi mới tổ chức (13%). Tuy nhiên, đa số các CEO (63%) thừa nhận rằng ROI trên AI có thể không khả thi trong ít nhất ba đến năm năm - phù hợp với năm ngoái.

Thực hiện đạo đức của AI là mối quan tâm của hầu hết

Giữa những lo ngại ngày càng tăng về việc sử dụng và triển khai AI một cách đạo đức, các CEO ngày càng nhận thức được những rủi ro gắn liền với việc áp dụng nhanh chóng của nó. Hơn một nửa (61%) xác định những thách thức về đạo đức là một số vấn đề khó giải quyết nhất khi triển khai AI trong doanh nghiệp của họ - tăng từ 57% vào năm 2023. Ngoài ra, những lo ngại về thiếu quy định (50%), thiếu kỹ năng và khả năng kỹ thuật (48%) làm phức tạp thêm con đường phía trước.

Nhân tài

Các CEO tăng cường tranh luận về việc trở lại văn phòng

“Những phát hiện năm nay nhấn mạnh khoảng cách đang mở rộng giữa kỳ vọng của các CEO và nhân viên của họ. Thế giới đang thay đổi nhanh chóng và giá trị đề xuất của nhân viên cũng thay đổi theo. Những nhà lãnh đạo thành công của ngày mai sẽ là những người hiểu rằng vấn đề về tài năng của họ chỉ có thể được giải quyết bằng cách đầu tư, nuôi dưỡng và hỗ trợ tài năng thông qua một ‘hợp đồng xã hội’ hiểu rằng nhân viên ngày nay không chỉ mong muốn mà còn mong đợi một môi trường làm việc linh hoạt hơn, linh hoạt hơn và cân bằng công việc - cuộc sống tốt hơn - đặc biệt là giữa cuộc khủng hoảng chi phí sinh hoạt phổ biến.” - Nhlamu Dlomu, Giám đốc toàn cầu về Nhân sự, KPMG Quốc tế.

Kể từ năm 2015, khi nhân viên đòi hỏi sự linh hoạt hơn trong mô hình làm việc và sự phù hợp mạnh mẽ hơn giữa niềm tin cá nhân và mục đích của tổ chức, các nhà lãnh đạo thành công đã thích ứng tốt với động lực nhân lực đang thay đổi này. Những nhà lãnh đạo thịnh vượng là những người đặt con người làm trọng tâm của chiến lược tăng trưởng của họ và phát triển hợp đồng xã hội của họ để theo kịp những kỳ vọng đang phát triển của tài năng hiện tại và tương lai.

Tuy nhiên, các nhà lãnh đạo được khảo sát cho thấy cuộc tranh luận về việc trở lại văn phòng tiếp tục cung cấp thức ăn cho suy nghĩ. Những phát hiện năm nay cho thấy các CEO đang cứng rắn hơn về việc trở lại cách làm việc trước đại dịch, với 83% dự đoán sẽ trở lại hoàn toàn văn phòng trong vòng ba năm tới - một sự gia tăng đáng chú ý so với 64% vào năm 2023. Và kỳ vọng này chỉ tăng lên theo độ tuổi: 75% đối với những người từ 40 đến 49 tuổi, 83% đối với những người từ 50 đến 59 tuổi và 87% đối với những người từ 60 đến 69 tuổi. Thú vị là, cũng có sự phân chia giới tính trong cuộc tranh luận này: trong khi 84% CEO nam dự đoán sẽ trở lại hoàn toàn văn phòng trong vòng ba năm, chỉ có 78% CEO nữ dự đoán sự chuyển đổi trở lại tương tự. Hơn nữa, 87% người trả lời nói rằng họ có khả năng sẽ thưởng cho nhân viên những người nỗ lực đến văn phòng bằng các nhiệm vụ mang tính ưu đãi, tăng lương hoặc thăng chức.

Tỷ lệ tổng thể của các CEO dự đoán sẽ trở lại hoàn toàn văn phòng trong ba năm tới

Các CEO cũng thừa nhận rằng các vấn đề liên quan đến tài năng khác có thể ảnh hưởng đến tăng trưởng và khả năng cạnh tranh trong tương lai. Gần một phần ba trong số họ nói rằng họ lo ngại về sự thay đổi thị trường lao động - cụ thể là số lượng nhân viên sắp nghỉ hưu và thiếu lao động có tay nghề để thay thế họ. Để đối phó với tình trạng thiếu nhân tài này, 80% CEO đồng ý rằng các tổ chức nên đầu tư vào phát triển kỹ năng và học tập suốt đời trong cộng đồng địa phương để giúp bảo vệ quyền truy cập vào tài năng tương lai. Với cam kết địa phương này, 92% nhà lãnh đạo hy vọng điều này sẽ giúp tăng tổng số nhân viên của họ trong ba năm tới.

ESG

Điều hướng một bối cảnh ngày càng chính trị hóa

“Ấn bản kỷ niệm 10 năm của Triển vọng CEO của KPMG nhấn mạnh những tiến bộ mà cộng đồng kinh doanh đã đạt được về ESG và bền vững. Chỉ vài năm trước, cam kết về môi trường, xã hội và quản trị được coi là một huy hiệu danh dự không nhất thiết được tích hợp vào chiến lược của công ty. Ngày nay, kết quả của chúng tôi cho thấy ESG là ưu tiên hàng đầu với sự tăng trưởng có mục đích, bền vững vẫn là một tham vọng cốt lõi đối với các nhà lãnh đạo kinh doanh toàn cầu. Tuy nhiên, vào năm 2024, chúng ta đang chứng kiến sự chính trị hóa và phân cực ngày càng tăng của các vấn đề như di động xã hội và biến đổi khí hậu, và điều này đang tạo ra những thách thức mới cho các CEO vốn đã chịu áp lực phải thực hiện. Tin tốt là cuộc khảo sát này cho thấy các CEO vẫn kiên định về tầm quan trọng của tính bền vững, họ tiếp tục thể hiện sự kiên cường và nhanh nhẹn, ví dụ như thay đổi cách họ truyền đạt nỗ lực của mình, thay vì từ bỏ cam kết của họ.” John McCalla-Leacy, Giám đốc ESG toàn cầu, KPMG Quốc tế.

Những phát hiện năm nay phơi bày thực tế của việc điều hướng các ưu tiên về môi trường, xã hội và quản trị trong khí hậu ngày nay. Bên cạnh nhận thức ngày càng tăng về tác động của ESG đối với niềm tin và danh tiếng, bản chất ngày càng chính trị hóa của chương trình nghị sự ESG đang làm tăng áp lực mà các nhà lãnh đạo ngày nay cảm thấy.

Vào năm 2015, các CEO xếp rủi ro môi trường là rủi ro ưu tiên ít quan tâm nhất của họ; nhanh chóng đến năm 2024 và gần một phần tư (24%) thừa nhận rằng nhược điểm chính của việc không đáp ứng được kỳ vọng ESG sẽ là tạo lợi thế cho đối thủ cạnh tranh của họ, vượt lên trước mối đe dọa đối với nhiệm kỳ của họ (21%) và thách thức tuyển dụng (16%).

Rõ ràng là các nhà lãnh đạo sẵn sàng hành động khi nói đến ESG, với ba phần tư (76%) CEO nói rằng họ sẵn sàng thoái vốn khỏi một phần kinh doanh có lợi nhuận đang làm tổn hại đến danh tiếng của họ. Đáng kể hơn, đa số (68%) cho biết họ sẽ có lập trường về một vấn đề gây tranh cãi về mặt chính trị hoặc xã hội, ngay cả khi Ban điều hành bày tỏ lo ngại với họ về việc làm như vậy. Cuộc khảo sát cũng cho thấy các CEO ngày nay nhận ra tầm quan trọng của ESG đối với việc tạo giá trị - chỉ dưới một phần tư (24%) trích dẫn việc tạo lợi thế cho đối thủ cạnh tranh là nhược điểm chính của việc không đáp ứng được kỳ vọng ESG.

Hai phần ba CEO thừa nhận họ không chuẩn bị để chịu đựng sự giám sát và kỳ vọng tiềm năng của các cổ đông khi nói đến ESG, gợi ý rằng họ sẽ hành động để giảm thiểu điều này. Thú vị là, có những khác biệt về thể hệ mới nổi giữa các CEO, với 43% nhà lãnh đạo trẻ (từ 40 đến 49 tuổi) cảm thấy tự tin hơn rằng họ có thể đối mặt với sự giám sát xung quanh ESG so với 33% CEO từ 50-59 tuổi và 30% những người từ 60 đến 69 tuổi.

Chúng ta cũng đang chứng kiến mức độ chính trị hóa và phân cực ngày càng tăng của các vấn đề như di động xã hội và biến đổi khí hậu, và điều này đang tạo ra những thách thức cho các CEO vốn đã chịu áp lực phải đáp ứng hoặc đánh giá lại các mục tiêu đã thiết lập. Kết quả là, một số CEO toàn cầu đang thay đổi cách họ truyền đạt nỗ lực ESG của mình. Trong cuộc khảo sát năm nay, 69% tiết lộ rằng mặc dù họ đã giữ nguyên các chiến lược liên quan đến khí hậu trong 12 tháng qua, nhưng họ đã điều chỉnh ngôn ngữ và thuật ngữ mà họ sử dụng nội bộ và bên ngoài để đáp ứng nhu cầu thay đổi của các bên liên quan. Ví dụ, các lực lượng chính trị và xã hội đã thúc đẩy một số doanh nghiệp thay đổi ngôn ngữ mà họ sử dụng, với một số tổ chức thích sử dụng thuật ngữ chung như “bền vững” hơn là thuật ngữ bao quát hơn “ESG”.

69% đã điều chỉnh ngôn ngữ và thuật ngữ liên quan đến khí hậu mà họ sử dụng để đáp ứng nhu cầu thay đổi của các bên liên quan. 66% CEO thừa nhận họ không chuẩn bị để chịu đựng sự giám sát tiềm năng của cổ đông. Cuối cùng, 30% nói rằng rào cản lớn nhất để đạt được tham vọng khí hậu của họ là sự phức tạp do quá trình khử cacbon của chuỗi cung ứng của họ - một vấn đề càng trở nên phức tạp hơn do căng thẳng địa chính trị hiện tại trên thế giới và các hoạt động ảnh hưởng đến các tuyến thương mại toàn cầu chính. Khi bước vào năm 2025, sẽ rất thú vị khi xem điều này ảnh hưởng đến ý kiến và tổ chức nói chung như thế nào, khi báo cáo ESG bắt đầu được thực hiện trên toàn cầu.

Phương pháp luận

Về Triển vọng CEO 2024 của KPMG

Ấn bản thứ 10 của Triển vọng CEO của KPMG, được thực hiện với 1.325 CEO từ ngày 25 tháng 7 đến ngày 29 tháng 8 năm 2024, cung cấp cái nhìn độc đáo về tư duy, chiến lược và chiến thuật lập kế hoạch của các CEO.

Tất cả những người trả lời đều có doanh thu hàng năm trên 500 triệu đô la Mỹ và một phần ba số công ty được khảo sát có doanh thu hàng năm hơn 10 tỷ đô la Mỹ. Cuộc khảo sát bao gồm các nhà lãnh đạo từ 11 thị trường (Úc, Canada, Trung Quốc, Pháp, Đức, Ấn Độ, Italy, Nhật Bản, Tây Ban Nha, Vương quốc Anh và Hoa Kỳ) và 11 ngành công nghiệp chính (quản lý tài sản, ô tô, ngân hàng, tiêu dùng và bán lẻ, năng lượng, cơ sở hạ tầng, bảo hiểm, khoa học đời sống, sản xuất, công nghệ và viễn thông).

PHỤ LỤC 2.2

Phụ thuộc quá nhiều vào tín dụng tạo ra mất cân bằng và đình trệ

Thị trường vốn của Việt Nam đang hoạt động kém hiệu quả, với sự phụ thuộc quá nhiều vào tín dụng ngân hàng và tăng trưởng tri thức của trái phiếu doanh nghiệp và bảo hiểm, làm nổi bật nhu cầu cấp thiết về cải cách quy định và các kênh tài trợ đa dạng.

Nguyễn Như Quỳnh, giám đốc Viện Chiến lược và Chính sách Tài chính thuộc Bộ Tài chính, đã nhấn mạnh sự cần thiết của một tầm nhìn dài hạn để cân bằng thị trường vốn và tiền tệ của Việt Nam tại sự kiện tuần trước về tối ưu hóa nguồn lực vốn cho phát triển kinh tế quốc gia. “Thị trường vốn chưa đáp ứng được kỳ vọng, nhiều mục tiêu đề ra năm 2019 vẫn chưa thực hiện được”, bà Quỳnh nói.

Dữ liệu từ Viện Đào tạo và Nghiên cứu của BIDV cho thấy dòng tín dụng tăng mạnh, tăng từ 40,71% năm 2019 lên 53,54% trong nửa đầu năm 2024. Sự phụ thuộc quá nhiều vào tín dụng đã tạo ra sự mất cân bằng hệ thống. Mặc dù tỷ lệ tín dụng trên GDP của Việt Nam dao động từ 130 đến 133% - một trong những tỷ lệ cao nhất toàn cầu - Ngân hàng Thế giới đã phát ra cảnh báo, khuyến Việt Nam hạ thấp con số này.

“Nền kinh tế vẫn phụ thuộc nặng nề vào tín dụng ngân hàng,” một đại diện của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) cảnh báo. “Tỷ lệ tín dụng trên GDP tăng cao đã làm tăng rủi ro thất bại hệ thống. Năm 2023, tỷ lệ này ở mức khoảng 130%, nhấn mạnh nhu cầu cải cách khẩn cấp. Nguồn cung vốn trung và dài hạn vẫn chưa phát triển đầy đủ, với tín dụng ngân hàng phải gánh phần lớn nhu cầu vốn.”

Để giảm bớt gánh nặng cho các ngân hàng, cần mở rộng thị trường vốn của Việt Nam - bao gồm cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp và bảo hiểm - để đa dạng hóa nguồn vốn.

“Cải cách khung pháp lý để khuyến khích tăng trưởng của các thị trường này là điều cần thiết để huy động nguồn lực trong nước và giảm sự phụ thuộc vào tín dụng ngân hàng,” quan chức NHNN nói.

Bà Quỳnh cũng nhấn mạnh hiệu suất không đồng đều của thị trường trái phiếu doanh nghiệp. Mặc dù số lượng trái phiếu niêm yết tăng 16,5% vào năm 2023, tổng cộng 460 trái phiếu và chiếm 20% GDP, nhưng trái phiếu doanh nghiệp chưa thanh toán đã giảm mạnh vào tháng 6 năm 2024, xuống còn 9,64% GDP. Con số này thấp hơn nhiều so với mục tiêu 20% đặt ra cho năm 2025 trong chiến lược tài chính đến năm 2030.

“Biến động trên thị trường trái phiếu doanh nghiệp đã tạo ra những lo ngại về khả năng của nó trong việc đóng vai trò là một nguồn vốn trung và dài hạn đáng tin cậy,” bà Quỳnh nói. Mặc dù trái phiếu doanh nghiệp từng là một nguồn vốn đầy hứa hẹn, nhưng thị trường đã chứng kiến sự bất ổn đáng kể kể từ khi đạt đỉnh vào năm 2021, làm trầm trọng thêm áp lực lên ngành ngân hàng Việt Nam.

Trong lĩnh vực bảo hiểm, tăng trưởng đã vững mạnh, với số lượng công ty tăng từ 67 vào năm 2019 lên 82 vào cuối năm 2023. Tổng tài sản đạt khoảng 36,53 tỷ đô la Mỹ, tăng 11,12% so với cùng kỳ và gấp đôi con số năm 2019. Tuy nhiên, vẫn còn những thách thức. Quản lý rủi ro vẫn chưa phát triển đầy đủ, với sự chậm trễ trong việc phát hiện rủi ro hoạt động, trong khi chất lượng của đại lý bảo hiểm tiếp tục tụt hậu.

Nguyễn Hoài Thu, chủ tịch VinaCapital Fund Management, đã chỉ ra cuộc khủng hoảng gần đây của ngành bảo hiểm nhân thọ, đã làm đình trệ tăng trưởng trong hai năm qua. “Cuộc khủng hoảng này nhấn mạnh sự cần thiết cấp bách của các khung pháp lý mạnh mẽ hơn để ngăn chặn những gián đoạn trong tương lai,” bà nói. “Độ thâm nhập bảo hiểm nhân thọ của Việt Nam vẫn thấp so với các điểm chuẩn khu vực, phản ánh một khoảng cách rộng hơn trong phát triển sản phẩm tài chính.” Bà Thu cũng đề cập đến thị trường quỹ hưu trí tự nguyện chưa phát triển. “Ở các nước phát triển, quỹ hưu trí là một phần quan trọng của nền kinh tế - chiếm 140% GDP của Hoa Kỳ, 83% của Vương quốc Anh và 86% của Singapore. Việt Nam mới chỉ chạm đến bề mặt,” bà nói.

Quy định hiện hành buộc phải phân bổ một nửa khoản đầu tư của quỹ hưu trí tự nguyện cho trái phiếu chính phủ tạo ra những thách thức về hoạt động, đặc biệt là với lợi suất thấp trong lịch sử. Bà Thu cũng chỉ ra những quy định hạn chế về rút tiền sớm và giới hạn không thuế 40 đô la mỗi tháng cho người lao động tham gia chương trình hưu trí tự nguyện.

“Những quy định lỗi thời này cần được cải cách để phù hợp với điều kiện thị trường và mở khóa hết tiềm năng của quỹ hưu trí tự nguyện như một nguồn vốn dài hạn,” bà nói.

Nhìn vào thị trường chứng khoán của Việt Nam, Ketut Ariadi Kusuma, chuyên gia cao cấp về lĩnh vực tài chính tại Ngân hàng Thế giới, cho biết Việt Nam có tiềm năng mạnh mẽ để trở thành một nguồn vốn quan trọng cho lĩnh vực doanh nghiệp. “Là một thị trường biên giới, Việt Nam phải thực hiện những cải tiến cụ thể để đạt được trạng thái thị trường mới nổi, điều này sẽ thúc đẩy đáng kể đầu tư toàn cầu,” Kusuma nói.

Ông nhấn mạnh tầm quan trọng của các thị trường vốn được quản lý tốt, cho rằng Việt Nam có thể trở thành một cơ chế hiệu quả để huy động vốn, khuyến khích tiết kiệm và cung cấp các tín hiệu định giá thiết yếu.

“Điều này rất quan trọng đối với việc phân bổ hiệu quả các nguồn lực kinh tế và những tiến bộ như vậy có thể giúp Việt Nam đạt được tăng trưởng kinh tế cao hơn bằng cách sử dụng hiệu quả hơn các nguồn lực trong nước đồng thời thu hút vốn quốc tế cần thiết để trở thành một quốc gia có thu nhập cao,” ông Kusuma nói thêm.

PHỤ LỤC 2.3

“Chiến tranh thương mại là một trò chơi đôi bên cùng bất lợi”: Trung Quốc cân nhắc các biện pháp nhẹ hơn khi các quốc gia phương Tây chông chát thuế quan

Trong khi các chính phủ phương Tây chông chát thuế quan, Bắc Kinh, về phía mình, có khả năng sẽ thận trọng để tránh kích hoạt một cuộc chiến thương mại toàn cầu, các nhà phân tích nói, bởi vì họ nhận ra những gì đang bị đặt cược cho nền kinh tế của mình - và trong quá trình này, có thể điều chỉnh chiến lược thương mại của mình bằng cách tìm kiếm một điểm sáng ở Đông Nam Á để nhập khẩu hàng hóa của mình khi phương Tây tăng cường rào cản.

Trong nhiều tháng, Trung Quốc đã đối đầu với Canada và Liên minh châu Âu (EU), cả hai đều theo bước chân của Washington và áp đặt thuế quan đối với hàng nhập khẩu của Trung Quốc, cụ thể là xe điện (EV), pin và tấm pin năng lượng mặt trời, cũng như thép và nhôm của Trung Quốc.

Nhưng ngay cả khi Bắc Kinh thông báo vào thứ Hai (ngày 9 tháng 9) về việc bắt đầu một cuộc điều tra “chống phân biệt đối xử” kéo dài một năm để trả đũa cho thuế phụ 100% của Canada đối với tất cả các EV do Trung Quốc sản xuất, thực tế là nền kinh tế Trung Quốc đơn giản là không thể đủ khả năng tham gia vào một cuộc chiến thương mại, các nhà phân tích nói.

“Bắc Kinh chắc chắn hiểu rằng cuộc chiến thương mại tốn kém như thế nào. Tôi không nghĩ họ có ý định kích hoạt một cuộc chiến thương mại với bất kỳ quốc gia hoặc nền kinh tế nào, đặc biệt là với EU. Đây là một trò chơi mà đôi bên cùng bất lợi.”

Nền kinh tế Trung Quốc cũng “yếu hơn nhiều so với hai năm trước”, giáo sư luật ông Henry Gao từ Đại học Quản lý Singapore, đồng thời là giáo sư chủ tịch học giả Đông Phương tại Viện Thương mại Quốc tế Thượng Hải, cho biết. “Do đó, nó có thể không chịu được những tác động tiêu cực của các hành động trả đũa,” ông Gao nói.

Bắc Kinh đã đặt ra mục tiêu đạt được tăng trưởng GDP thực tế 5% trong năm nay. Trong quý thứ hai, nền kinh tế đã tăng trưởng 4,7% so với cùng kỳ năm ngoái, các nhà kinh tế chỉ ra rằng đây là một con số thấp hơn đáng kể so với kỳ vọng. Điều này tiếp theo sau mức tăng trưởng 5,3% được ghi nhận trong quý đầu tiên.

Chính quyền Biden vào ngày 13 tháng 9 đã khóa mức tăng thuế đối với hàng tỷ đô la hàng hóa Trung Quốc, bao gồm thuế 100% đối với xe điện và 25% đối với pin xe điện. Mức thuế này sẽ có hiệu lực từ ngày 27 tháng 9.

Theo sự dẫn dắt của Mỹ, Canada sẽ áp dụng thuế 100% đối với nhập khẩu xe điện Trung Quốc có hiệu lực từ ngày 1 tháng 10. Ngoài ra, Canada cũng dự kiến áp thuế bổ sung 25% đối với nhập khẩu sản phẩm thép và nhôm từ Trung Quốc, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 10.

Trong khi đó, các báo cáo truyền thông trích dẫn một nguồn quen thuộc cho biết Liên minh châu Âu đã giảm mức thuế đề xuất đối với xe Tesla sản xuất tại Trung Quốc, trong khi vẫn giữ nguyên các mức thuế trừng phạt khác mà họ đã đặt ra vào tháng 7 đối với xe điện sản xuất tại Trung Quốc.

Ủy ban châu Âu cho biết sẽ áp dụng thuế bổ sung lên tới 38,1% đối với xe điện nhập khẩu từ Trung Quốc. Mức thuế đề xuất cho Tesla sẽ giảm xuống 7,8%, từ 9%. Đối với BYD, không có sự thay đổi nào đối với mức thuế 17%. Geely sẽ có mức thuế mới là 18,8%, giảm từ mức 19,3% trước đó. Mức thuế cao nhất là 35,3% sẽ áp dụng cho SAIC và các công ty khác không hợp tác với cuộc điều tra về các khoản trợ cấp mà Trung Quốc bị cáo buộc. Ủy ban châu Âu gồm 27 thành viên sẽ bỏ phiếu vào tháng 10 về việc có áp dụng thêm thuế đối với xe điện sản xuất tại Trung Quốc hay không, bên cạnh mức thuế nhập khẩu tiêu chuẩn 10%.

EU đã đầu tư đáng kể vào ngành xe điện mới (NEV) của Trung Quốc. Theo Tiến sĩ Chen, EU đã đầu tư đáng kể vào ngành xe điện mới (NEV) của Trung Quốc, với các công ty lớn như Volkswagen, BMW và Mercedes-Benz đã tham gia sâu vào lĩnh vực này. Mặc dù căng thẳng vẫn còn cao, nhưng có thể có tiềm năng để hai nền kinh tế "tìm cách giảm thiểu căng thẳng" và thỏa hiệp, ông nói.

Trung Quốc chiếm khoảng 30% doanh số bán hàng của các nhà sản xuất ô tô Đức trong quý đầu tiên. Volkswagen, nhà sản xuất ô tô lớn nhất châu Âu, cảnh báo rằng tác động tiêu cực của thuế quan sẽ vượt quá bất kỳ lợi ích tiềm năng nào, đặc biệt là đối với ngành ô tô Đức. Mercedes-Benz lặp lại mối lo ngại này, tuyên bố rằng với tư cách là một quốc gia xuất khẩu, Đức không hưởng lợi từ việc tăng cường rào cản thương mại. BMW cũng chỉ trích các đề xuất thuế quan, gọi chúng là "con đường sai lầm".

"EU vẫn có thể áp đặt một số loại thuế quan đối với xe điện của Trung Quốc, trong khi chính phủ Trung Quốc có thể cam kết giảm trợ cấp và cũng cho phép các sản phẩm nông nghiệp của EU vào Trung Quốc mà không bị thuế phạt", Tiến sĩ Chen nói thêm. EU cũng phụ thuộc vào Trung Quốc về xe điện và công nghệ do Trung Quốc sản xuất, bà Alicia Garcia-Herrero, nhà kinh tế trưởng khu vực châu Á - Thái Bình Dương, cho biết điều này giúp Bắc Kinh có "đòn bẩy lớn hơn".

Trong những năm gần đây, quan hệ song phương giữa Trung Quốc và Canada vẫn căng thẳng, sau vụ bắt giữ Giám đốc tài chính của Huawei là Meng Wanzhou vào năm 2018 theo lệnh của Mỹ tại Vancouver và việc Bắc Kinh giam giữ hai công dân Canada về tội gián điệp, giữa cáo buộc Trung Quốc can thiệp vào cuộc bầu cử của Canada năm 2019 và 2021.

Thêm vào đó là một thông báo vào thứ Hai từ Bộ Thương mại Trung Quốc về cuộc điều tra chống bán phá giá kéo dài một năm đối với nhập khẩu hạt cải dầu của Canada. "Canada đã bỏ qua các quy định của WTO (Tổ chức Thương mại Thế giới) và vi phạm cam kết của mình tại WTO", một phát ngôn viên của bộ nói, đồng thời cho biết các quan chức đã "yêu cầu tham vấn" với các đối tác Canada về vấn đề này.

"(Điều này) là một hành động đơn phương và bảo hộ thương mại điển hình, làm tổn hại nghiêm trọng đến hệ thống thương mại đa phương dựa trên luật lệ và làm gián đoạn chuỗi cung ứng công nghiệp toàn cầu cho xe điện cũng như sản phẩm thép và nhôm của (Trung Quốc)", người phát ngôn nói.

Các chính sách thương mại của Canada sẽ tiếp tục phản ánh chặt chẽ các chính sách của Mỹ, theo giáo sư kinh tế Tiến sĩ Chen. "Canada sẽ chỉ nhìn vào Mỹ ... Nếu Mỹ thực sự cắt giảm một số thuế phạt áp đặt lên xe điện và các hàng nhập khẩu khác của Trung Quốc, có thể Canada sẽ làm tương tự. Nếu không, Canada sẽ vẫn cứng rắn như Mỹ đối với Trung Quốc."

Bình luận về tình hình, bà Garcia-Herrero bày tỏ nghi ngờ về hành động của Bắc Kinh. "Trung Quốc không thể sử dụng trả đũa một cách nghiêm khắc hoặc mạnh mẽ như họ nghĩ", bà nói, đồng thời cho biết Bắc Kinh có thể đã chơi quá trớn trong các tranh chấp thương mại và căng thẳng trước đây với Mỹ, cũng như Úc và Hàn Quốc.

Ví dụ, vào năm 2020, Trung Quốc đã áp đặt lệnh cấm và thuế quan đối với các sản phẩm của Úc khi bất đồng địa chính trị với Úc biến thành một cuộc chiến thương mại toàn diện. Mặc dù đã bãi bỏ thuế quan cuối cùng còn tồn tại đối với rượu vang vào tháng 3 và kết thúc ba năm thuế phạt, nhưng các nhà quan sát đã bày tỏ rằng các nhà sản xuất có thể ngần ngại đặt tất cả hy vọng của họ vào một thị trường hấp dẫn dường như trong tương lai gần. "Trung Quốc nghĩ rằng họ có nhiều đòn bẩy, nhưng nó phản tác dụng vì các quốc gia bắt đầu sợ hãi Trung Quốc và do đó họ muốn giảm rủi ro", bà nói.

Mặc dù các biện pháp thương mại của Trung Quốc đã dẫn đến sự sụt giảm lớn trong xuất khẩu hàng hóa mục tiêu của Úc sang Trung Quốc, nhưng nhiều ngành công nghiệp bị ảnh hưởng của Úc đã tìm thấy thị trường mới ở các nước như Việt Nam, Indonesia và Thái Lan.

Và một phản ứng quá mạnh từ Bắc Kinh có thể phản tác dụng và góp phần vào "mức độ sợ hãi Trung Quốc đáng kinh ngạc" và "chủ nghĩa dân túy ở phương Tây đối với Trung Quốc", ông Daniel Senger, đối tác điều hành tại công ty tư vấn toàn cầu có trụ sở tại Thượng Hải Wilton Partners, nói. Điều đó góp phần vào các phản ứng "đột nhiên" khi nói đến các chính sách về Trung Quốc, đặc biệt là từ các chính trị gia đang tìm kiếm chức vụ, ông lưu ý.

Trung Quốc coi xe điện của mình là "một lợi thế cạnh tranh về chi phí thấp hơn và độ tinh vi cao hơn" so với những gì phương Tây có thể cung cấp hiện tại ... và tin rằng chúng đang bị đối xử bất công và không phù hợp với các quy tắc WTO, ông nói với CNA.

"Nhưng Bắc Kinh dường như hiểu rằng ngoại giao chiến lang của mình rất không phổ biến và thậm chí bị nhiều đối tác thương mại, đặc biệt là ở các nước phát triển, phản nộ." Phát ngôn viên Bộ Ngoại giao Trung Quốc Mao Ninh ngày 22 tháng 8 cho biết EU nên hợp tác với Trung Quốc "theo cùng một hướng để thảo luận về một giải pháp thích hợp và tránh leo thang", trong khi Phòng Thương mại Trung Quốc tại EU đã bày tỏ rằng các biện pháp như vậy có thể làm gia tăng căng thẳng thương mại giữa Trung Quốc và EU và gửi tín hiệu tiêu cực đến hợp tác toàn cầu và nỗ lực phát triển xanh.

Một điểm trung lập tiềm năng có thể là cho phép xe điện giá rẻ của Trung Quốc mà châu Âu và Bắc Mỹ không thể sản xuất một cách kinh tế, cũng như mở rộng sản xuất xe điện của Trung Quốc tại châu Âu, ông Senger nói thêm. Vì vậy, Bắc Kinh sẽ cần thận trọng và thậm chí có thể áp dụng một cách tiếp cận "nhẹ nhàng hơn", ông Gao của SMU nói.

Một tia sáng cho Đông Nam Á?

Các nhà phân tích cho biết, bất kỳ cuộc chiến thương mại nào giữa Trung Quốc và phương Tây chắc chắn sẽ có tác động lan tỏa và một bên sẽ tìm cách hưởng lợi là Đông Nam Á. Trung Quốc đã là đối tác thương mại lớn nhất của khu vực trong 14 năm liên tiếp và khối lượng thương mại giữa các quốc gia đạt mức cao kỷ lục là 722 tỷ USD vào năm 2022.

Các nước Đông Nam Á có thể hưởng lợi theo một vài cách. "Đầu tiên là để nắm bắt khối lượng tràn lan (từ Trung Quốc) với giá thấp", ông Warwick Powell, giáo sư thỉnh giảng tại Đại học Công nghệ Queensland, nói. "Thứ hai là các công ty Trung Quốc có thể mở rộng hoạt động của họ trong (khu vực) như một nền tảng để xuất khẩu sang EU và Bắc Mỹ. Đây đã là mô hình trước đây." Khu vực này có thể thấy cả tác động tích cực và tiêu cực sau một cuộc chiến thuế quan tiềm năng.

"Nếu các lệnh trừng phạt đối với Trung Quốc quá cao đến mức sẽ buộc nhiều vốn Trung Quốc và nước ngoài trước đây đặt tại Trung Quốc phải di chuyển một phần năng lực sản xuất của họ ra khỏi Trung Quốc, thì lựa chọn tự nhiên hoặc dễ nhất sẽ là Đông Nam Á để chuỗi cung ứng thực sự có thể được mở rộng", Tiến sĩ Chen nói.

Trong tương lai, xe điện mới của Trung Quốc cũng có thể được xuất khẩu từ các quốc gia Đông Nam Á này sang EU và Mỹ, theo giáo sư luật ông Gao. Nhưng điều này cũng có thể gây ra thách thức cho các nhà sản xuất xe điện trong khu vực, những người có thể gặp khó khăn trong việc cạnh tranh.

Theo Counterpoint Research có trụ sở tại Hồng Kông, các thương hiệu Trung Quốc chiếm 70% tổng doanh số bán xe điện tại Đông Nam Á vào năm ngoái, với nhà sản xuất ô tô BYD dẫn đầu. Nhà sản xuất ô tô điện Việt Nam VinFast Auto đang gặp khó khăn trong việc giành thị phần trong thị trường xe điện cạnh tranh cao. Họ chỉ giao 9.689 xe trong ba tháng đầu năm nay, kém xa so với mục tiêu 100.000 chiếc hàng năm. Năm ngoái, khoảng 34.855 chiếc xe đã được bán ra, phần lớn trong số đó là cho các bên liên quan.

Nhưng ngay cả khi Trung Quốc cố gắng xoay trục và hướng nhiều xuất khẩu hơn sang các nước Đông Nam Á, nước này cũng phải đối mặt với sự phản đối trong khu vực. Indonesia, một cường quốc toàn cầu đang phát triển và là nền kinh tế lớn nhất Đông Nam Á, đã nhắm đến thuế cao đối với hàng nhập khẩu dệt may. Thái Lan cũng bày tỏ lo ngại về lượng hàng hóa giá rẻ từ Trung Quốc đổ vào gần đây, nói rằng các nhóm ngành công nghiệp không thể cạnh tranh.

Malaysia đã mở cuộc điều tra chống bán phá giá của riêng mình đối với hàng nhập khẩu nhựa Trung Quốc vào tháng 8, cùng với hàng nhập khẩu polyethylene terephthalate. "Chính phủ sẽ áp đặt thuế chống bán phá giá tạm thời ở mức cần thiết để ngăn chặn thiệt hại tiếp theo cho thị trường trong nước", Bộ Đầu tư, Thương mại và Công nghiệp của Malaysia cho biết trong một tuyên bố được phát hành vào ngày 9 tháng 8.

Sáu năm trôi qua, cuộc chiến thương mại cho thấy ít dấu hiệu giảm bớt và những tháng tới, đặc biệt là sau kết quả của cuộc bầu cử tổng thống Mỹ năm nay sẽ là rất quan trọng, các nhà phân tích nói. Mặc dù ông Senger nói với CNA rằng "không rõ" bao nhiêu phần trăm của thuế quan tăng lên là do lời lẽ bầu cử hoặc sẽ được thực hiện, thì "có khả năng xảy ra hơn dưới thời tổng thống Trump vì có tiền lệ với việc khởi động cuộc chiến thương mại và sự leo thang của nó trong chính quyền của ông ta". Đồng thời trích dẫn tiến bộ gần đây với Nhóm Công tác Tài chính Mỹ-Trung và một số cuộc họp riêng gần đây của Ngoại trưởng Mỹ Antony Blinken với ngoại trưởng Trung Quốc Vương Nghị, ông Senger nói thêm rằng "điều này có vẻ cho thấy một con đường hợp tác hơn dưới thời Harris, giả sử Harris sẽ giữ lại đội ngũ ngoại giao và chính sách của Biden".

"Tổng thống mới của Mỹ sẽ được bầu vào tháng 11 nên các chính sách cũng có thể bị ảnh hưởng", Tiến sĩ Chen Bo, giáo sư kinh tế, cho biết. "Như chúng ta đều biết, các biện pháp trừng phạt thương mại này phản ánh ý định của Mỹ."

Tủ sách Doanh nghiệp

PHỤ LỤC 3.1

Báo cáo của World Bank: Tháng 8 năm 2024 - Đạt đến tầm cao mới trên thị trường vốn

Ngân hàng Thế giới cho biết hôm nay trong một báo cáo mới rằng, tăng trưởng kinh tế của Việt Nam dự kiến sẽ tăng tốc vào năm 2024, do sự phục hồi của xuất khẩu chế biến và du lịch, cũng như tiêu dùng và đầu tư kinh doanh đang hồi phục.

Theo báo cáo mới nhất của Ngân hàng về "Đánh giá tình hình" (Taking Stock), kinh tế Việt Nam dự kiến sẽ tăng trưởng 6,1% vào năm 2024 và 6,5% vào cả năm 2025 và 2026, tăng từ 5% năm ngoái. Báo cáo nhấn mạnh sự kiên cường của nền kinh tế Việt Nam bất chấp những thách thức toàn cầu đang gia tăng.

Báo cáo "Đạt được những đỉnh cao mới trong thị trường vốn" lưu ý rằng nền kinh tế chưa trở lại con đường tăng trưởng trước đại dịch. Đầu tư công được tăng cường sẽ cung cấp nguồn kích thích ngắn hạn đồng thời giải quyết các khoảng trống cơ sở hạ tầng mới nổi - ví dụ như năng lượng, vận tải và hậu cần - đang trở thành một trở ngại ngày càng lớn đối với tăng trưởng, báo cáo cho biết. Chất lượng tài sản của ngân hàng vẫn là một mối quan tâm do nợ xấu (NPL) tăng lên và cần được các cơ quan chức năng giám sát chặt chẽ.

"Trong nửa đầu năm, nền kinh tế Việt Nam đã được hưởng lợi từ sự phục hồi của nhu cầu xuất khẩu," Sebastian Eckardt, Giám đốc Thực hành Kinh tế vĩ mô, Thương mại và Đầu tư Đông Á và Thái Bình Dương của Ngân hàng Thế giới, cho biết. "Để duy trì đà tăng trưởng không chỉ cho phần còn lại của năm mà cả trong trung hạn, các cơ quan chức năng nên tăng cường cải cách cơ cấu, tăng cường đầu tư công đồng thời quản lý chặt chẽ các rủi ro tài chính mới nổi."

Một chương đặc biệt của báo cáo nhận thấy rằng phát triển thị trường vốn sẽ cung cấp một nguồn vốn dài hạn quan trọng cho nền kinh tế Việt Nam và giúp đất nước đạt được mục tiêu trở thành một quốc gia thu nhập cao vào năm 2045. Báo cáo

nhấn mạnh những thách thức chính, bao gồm sự phát triển chưa đầy đủ của cơ sở nhà đầu tư tổ chức và việc sử dụng chưa đầy đủ Quỹ Bảo hiểm Xã hội Việt Nam (VSS).

Báo cáo khuyến nghị một khung chính sách mạnh mẽ hơn, trong đó VSS có thể là một lực lượng thúc đẩy phát triển thị trường vốn. Các chính sách cho phép thị trường phân loại lại Việt Nam từ trạng thái Thị trường Biên giới lên trạng thái Thị trường Mới nổi sẽ giúp thu hút nhiều nhà đầu tư nước ngoài hơn, cũng như các cải cách để tăng cường tính minh bạch của thị trường và bảo vệ nhà đầu tư. Sự phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan quản lý tài chính là rất quan trọng để đạt được những mục tiêu này.

"Hàng tỷ đô la quỹ đầu tư toàn cầu sẽ chảy vào thị trường vốn nếu Việt Nam được nâng cấp lên trạng thái Thị trường Mới nổi," Ketut Ariadi Kusuma, Chuyên gia cao cấp về lĩnh vực tài chính của Ngân hàng Thế giới, cho biết. "Đồng thời, việc đa dạng hóa dần dần các khoản đầu tư của VSS là rất quan trọng không chỉ để cải thiện lợi nhuận đầu tư dài hạn của mình mà còn để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của Việt Nam thông qua các khoản đầu tư vào lĩnh vực doanh nghiệp."

PHỤ LỤC 3.2

Báo cáo của ADB: Hiệu suất Môi trường, Xã hội và Quản trị và Tác động Tài chính: Phân tích so sánh các công ty ở Châu Á

Tóm tắt

Nghiên cứu này đã khảo sát hiệu suất môi trường, xã hội và quản trị (ESG) và tác động tài chính của nó trên 38 nền kinh tế từ năm 2013 đến 2022, với trọng tâm đặc biệt là các doanh nghiệp ở châu Á. Những phát hiện chính như sau: Thứ nhất, có sự khác biệt đáng kể trong đánh giá ESG giữa các cơ quan xếp hạng lớn do thiếu khả năng so sánh giữa các yếu tố ESG và phương pháp đánh giá. Thứ hai, phân tích mô hình đa cấp cho thấy còn nhiều dư địa để nâng cao hiệu suất ESG của các công ty ở châu Á, trái ngược với các đối tác ở châu Âu. Đặc biệt, các thực hành ESG của các doanh nghiệp ở Đông Nam Á có mối quan hệ tích cực mạnh mẽ hơn với hiệu suất tài chính. Cuối cùng, sự giàu có bao trùm điều chỉnh đáng kể các tác động tài chính của các thực hành ESG và có thể đóng vai trò là một chỉ số bền vững có giá trị ở cấp quốc gia để thông báo các thực hành ESG cụ thể cho từng khu vực khác nhau.

Kết quả thực nghiệm

Hiệu suất ESG của các công ty ở Châu Á

Nói chung, doanh thu cao hơn và đòn bẩy tài chính trong năm trước có mối quan hệ tích cực đáng kể với hiệu suất ESG. Theo quan điểm dựa trên nguồn lực của doanh nghiệp, các chiến lược ESG yêu cầu nguồn lực đủ của doanh nghiệp để thực hiện và duy trì, đặc biệt là đối với các chiến lược môi trường. Các doanh nghiệp có doanh thu cao hơn và đã sử dụng đòn bẩy tài chính hiệu quả có thể hoạt động tốt hơn về các sáng kiến ESG của họ. Tuy nhiên, lợi nhuận lịch sử không có mối quan hệ đáng kể với hiệu suất ESG, ngoại trừ điểm E, cho thấy thành công tài chính trong quá khứ không nhất thiết chuyển thành hiệu suất ESG mạnh mẽ.

Một số nền kinh tế đại diện ở châu Âu được chọn để so sánh với các công ty ở châu Á. Nhất quán với thảo luận trong phần 3, hiệu suất ESG tốt hơn ở các nền kinh tế châu Âu so với các nền kinh tế châu Á, ngay cả sau khi kiểm soát các tác động cấp công ty. Pháp, Vương quốc Anh và Đức được xếp hạng cao nhất trong toàn bộ mẫu, tiếp theo là Úc và New Zealand. Trong số các nền kinh tế châu Á, Singapore được xếp hạng cao nhất.

Tác động tài chính của hiệu suất ESG

Phần này mô tả tác động tài chính của hiệu suất ESG và so sánh sự khác biệt giữa các nền kinh tế. Kết quả cho các thành phần ESG có xu hướng tương tự, cho thấy các doanh nghiệp ở Đông Nam Á nhiều khả năng có tác động tài chính tích cực.

Hiệu ứng điều tiết của sự giàu có bao trùm

Trong phần này, chúng tôi kiểm tra các lý do có thể cho kết quả tài chính khác nhau được quan sát thấy trên các nền kinh tế và khu vực khác nhau.

Kết quả này cho thấy các công ty trong một nền kinh tế có mức giàu có bao trùm bình quân đầu người cao hơn gặp khó khăn hơn trong việc đạt được giá trị công ty cao hơn bằng cách thực hiện các sáng kiến ESG. Một lời giải thích có thể là các công ty trong nền kinh tế có mức giàu có bao trùm cao hơn có thể phải đối mặt với cạnh tranh khốc liệt hơn về hiệu suất ESG, khiến họ khó phân biệt các chiến lược ESG. Mặt khác, các công ty có mức giàu có bao trùm thấp hơn có nhiều cơ hội để hưởng lợi từ các sáng kiến ESG, qua đó tăng tính cạnh tranh của họ. Kết quả này cho thấy mức độ giàu có bao trùm giúp giải thích sự khác biệt trong tác động tài chính của hiệu suất ESG trên các nền kinh tế, phù hợp với kết quả của nghiên cứu trước đây sử dụng các chỉ số chính sách bền vững cấp kinh tế tích hợp.

Công nghệ và quản lý sáng tạo là những yếu tố chính quyết định liệu các thực hành các yếu tố liên quan đến môi trường có thể tạo ra lợi nhuận bổ sung để trang trải chi phí hay không. Đồng thời, vốn nhân lực nhiều hơn gắn liền với ý thức môi trường lớn hơn, cung cấp thị trường tiềm năng lớn hơn cho các hoạt động môi trường của doanh nghiệp. Ngoài ra, chúng tôi cũng nhận thấy rằng hoạt động môi trường có tác động tài chính tốt hơn trong các nền kinh tế có vốn tự nhiên cao hơn.

Kết luận

Chúng tôi so sánh các phương pháp đánh giá ESG của sáu nhà đánh giá ESG hàng đầu toàn cầu và cung cấp bằng chứng thực nghiệm để chứng minh sự dị biệt trong hiệu suất ESG và tác động tài chính trên các nền kinh tế và khu vực. Chúng tôi tiếp tục giới thiệu sự giàu có bao trùm, một chỉ số bền vững cấp kinh tế, để kiểm tra tác động điều tiết của nó đối với tác

động tài chính của hiệu suất ESG. Cuộc điều tra dựa trên một bộ dữ liệu toàn cầu từ năm 2013 đến 2022, với trọng tâm đặc biệt là các công ty ở châu Á. Những phát hiện chính của chúng tôi như sau:

Đầu tiên, điểm số ESG của các nhà đánh giá ESG khác nhau cho thấy sự không nhất quán cao. Hầu hết các mối tương quan giữa các xếp hạng ESG đều nhỏ hơn 0,5, có thể là nguồn gây nhầm lẫn trong quyết định đầu tư. Một lý do chính là sự khác biệt lớn trong các mục ESG được đánh giá, và chỉ có một số mục chung có thể được tìm thấy trên các nhà đánh giá đã điều tra. Ngoài ra, cả quá trình đánh giá chủ quan và khách quan đều làm tăng tính biến đổi của kết quả hiệu suất ESG. Tuy nhiên, sự không nhất quán giảm đáng kể khi so sánh hiệu suất ESG trung bình ở cấp độ nền kinh tế. Trung bình, các công ty châu Âu thể hiện hiệu suất ESG vượt trội, đặc biệt là so với các đối tác châu Á của họ.

Kết quả tài chính của việc áp dụng các thực hành ESG khác nhau giữa các khu vực và nền kinh tế. Trung bình, lợi ích tài chính rõ ràng hơn khi được đánh giá thông qua Q của Tobin hơn là khi được đánh giá thông qua ROA, một thước đo dựa trên kế toán.

Chúng tôi nhận thấy rằng các thực hành ESG có lợi hơn cho các doanh nghiệp đặt tại Đông Nam Á. Mặt khác, các doanh nghiệp hoạt động ở các khu vực phát triển như châu Âu có thể phải đối mặt với cạnh tranh khốc liệt hơn khi thực hiện các chiến lược ESG, khiến họ khó đạt được kết quả tài chính thuận lợi hơn. Cuối cùng, tính bền vững cấp nền kinh tế có ý nghĩa đối với tác động tài chính của các thực hành ESG. Cùng với vốn sản xuất, nhân lực và tự nhiên được phân tích, sự giàu có bao trùm đóng vai trò là một chỉ số tham chiếu hướng dẫn và điều chỉnh các thực hành ESG ở cấp công ty. Cụ thể, các thực hành ESG của doanh nghiệp có lợi ích tài chính lớn hơn trong bối cảnh vốn sản xuất bình quân đầu người thấp hơn và vốn nhân lực bình quân đầu người cao hơn.

Theo đó, có thể đề xuất các hàm ý chính sách sau cho các nhà thực hành kinh doanh và tổ chức tài chính. Đầu tiên, đối với cả nhà đầu tư tổ chức và cá nhân, cần có một phương pháp đánh giá ESG chung để cải thiện khả năng so sánh nhằm xác định tác động tài chính của các thực hành ESG (tức là tính chất tài chính). Ngoài ra, cần nâng cao tính minh bạch của quá trình đánh giá ESG để tránh nhầm lẫn và đảm bảo rõ ràng trong việc hiểu điểm số ESG khi so sánh các kết quả hiệu suất ESG khác nhau. Trong thực tế, các Tiêu chuẩn Khai báo Bền vững của Tiêu chuẩn Báo cáo Tài chính Quốc tế, được ban hành vào ngày 26 tháng 6 năm 2023, có thể cung cấp một cơ sở chung cho các yếu tố bền vững của doanh nghiệp. Mặt khác, không có một giải pháp phù hợp với tất cả vì tác động tài chính của các thực hành ESG khác nhau giữa các nền kinh tế. Các nhà thực hành kinh doanh cần xem xét tính quan trọng của chính công ty và bối cảnh kinh tế xã hội mà nó hoạt động. Là một chỉ số bền vững khu vực, sự giàu có bao trùm có thể đóng vai trò là một chỉ số có giá trị để thông báo các giải pháp ESG cụ thể cho từng khu vực.

PHỤ LỤC 3.3

Báo cáo của ADB: Thúc đẩy đầu tư tiết kiệm năng lượng và ít carbon cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ thông qua lĩnh vực tài chính

Tóm tắt thực thi

Cơ hội thông qua tài chính khí hậu

Các khoản đầu tư vào hiệu quả năng lượng và hạ tầng thông minh với khí hậu (CSI) có thể giảm đáng kể chi phí năng lượng và phát thải khí nhà kính (GHG). Mục đích của nghiên cứu này là phân tích những cơ hội đầu tư khả thi cho các tổ chức tài chính khu vực tư nhân—bao gồm cả các ngân hàng và công ty tài chính phi ngân hàng tại Ấn Độ, tập trung vào ba lĩnh vực chính: (i) các ngành công nghiệp nhỏ và vừa tiêu thụ năng lượng nhiều; (ii) tòa nhà thương mại; và (iii) di động điện cho hiệu quả năng lượng phía cầu, cũng như các công nghệ CSI khác (cùng được gọi là công nghệ thấp carbon).

Các kết luận của nghiên cứu này dựa trên hơn 25 cuộc tham vấn với các bên liên quan đa dạng, bao gồm các tổ chức tài chính khu vực tư nhân, các công ty tài chính phi ngân hàng, nhà cung cấp dịch vụ công nghệ và công ty dịch vụ năng lượng. Chúng cũng dựa trên việc đánh giá hơn 12 sáng kiến trước đây trên thị trường Ấn Độ, tập trung vào việc thúc đẩy việc áp dụng quy mô lớn các công nghệ hiệu quả năng lượng và CSI qua các công cụ tài chính sáng tạo khác nhau.

Kết quả khảo sát cho thấy việc tiếp cận các công nghệ thấp carbon này bị ảnh hưởng bởi nhiều thách thức cả về phía cầu và cung. Những thách thức này bao gồm nhận thức hạn chế trong số người tiêu dùng cuối, chi phí ban đầu cao hơn của các công nghệ hiệu quả năng lượng và CSI, nguồn lực lao động có kỹ năng hạn chế để áp dụng hoặc vận hành các công nghệ này, sự phụ thuộc vào nhập khẩu và phạm vi tiếp cận hạn chế của các nhà cung cấp dịch vụ công nghệ, cũng như sự do dự của các tổ chức tài chính trong việc tài trợ cho các công nghệ này do các lý do như rủi ro hiệu suất được cho là, kích thước khoản vay nhỏ hơn, cũng như nỗ lực và chi phí giao dịch cao hơn.

Các kết quả cho thấy các lĩnh vực mục tiêu cung cấp cơ hội tiết kiệm năng lượng và đầu tư đáng kể trong giai đoạn 2023–2033 và xa hơn nữa. Các công nghệ hiệu quả năng lượng và CSI đã được thương mại hóa có thể mang lại tiềm năng kinh doanh và tài chính to lớn cho các tổ chức tài chính khu vực tư nhân với rủi ro tối thiểu. Các mối quan hệ đối tác giữa các bên tư nhân, tập hợp nhu cầu, và các sản phẩm tài chính tùy chỉnh, được hỗ trợ bởi các công cụ chia sẻ và/hoặc giảm thiểu rủi ro, sẽ dẫn đến các giải pháp tài chính bền vững và quy mô hơn.

Ấn Độ là quốc gia tiêu thụ năng lượng và phát thải carbon lớn thứ ba trên thế giới. Sự phát triển kinh tế gia tăng và dân số đang ngày càng tăng—cùng với xu hướng đô thị hóa và công nghiệp hóa tiếp tục—sẽ càng làm tăng nhu cầu năng lượng và do đó tăng phát thải carbon. Đây là một thách thức quan trọng, xem xét nhu cầu về an ninh năng lượng và giảm thiểu tác động của việc tiêu thụ năng lượng đối với môi trường.

Một sự chú trọng vào hiệu quả năng lượng và việc áp dụng các công nghệ CSI trong các lĩnh vực tiêu thụ năng lượng lớn của nền kinh tế có thể đóng góp vào tăng trưởng kinh tế trong khi giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường, đồng thời

cải thiện hiệu quả kinh tế và khả năng cạnh tranh. Việc huy động đầu tư cho các công nghệ thấp carbon có thể hạn chế đáng kể cường độ năng lượng và do đó giảm phát thải khí nhà kính (GHG), đồng thời có thể hướng Ấn Độ tới một nền kinh tế có khả năng chống chịu với khí hậu tốt hơn, đảm bảo an ninh năng lượng và phát triển bền vững.

Ấn Độ đã đạt được nhiều tiến bộ đáng kể trong việc cải thiện hiệu quả năng lượng và giảm cường độ phát thải bằng cách nhắm vào các ngành công nghiệp tiêu thụ năng lượng lớn và các lĩnh vực khác của nền kinh tế thông qua các quy định chính sách và các chương trình, kế hoạch dựa trên thị trường có cấu trúc. Tuy nhiên, việc áp dụng các công nghệ hiệu quả năng lượng và CSI bởi các doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs) vẫn còn hạn chế, và các cơ hội vẫn chưa được khai thác do thiếu các sản phẩm tài chính được tùy chỉnh phù hợp cho hiệu quả năng lượng, CSI và di động điện (e-mobility). Ngân hàng Dự trữ Ấn Độ (RBI) nhận thức được sự cần thiết phải tăng cường sự tham gia của các tổ chức tài chính trong nước để hỗ trợ các khoản đầu tư liên quan đến khí hậu và tài chính bền vững.

Nghiên cứu này tập trung vào việc đánh giá các cơ hội đầu tư khả thi trong các lĩnh vực công nghiệp SMEs tiêu thụ năng lượng lớn, tòa nhà thương mại và di động điện nhằm cải thiện hiệu quả năng lượng và áp dụng công nghệ CSI thông qua sự tham gia của các tổ chức tài chính khu vực tư nhân và các công ty tài chính phi ngân hàng (NBFCs).

Con đường phía trước

Sự tham gia của khu vực tư nhân cần phải hỗ trợ hiệu quả năng lượng phía cầu (các công nghệ hiệu quả năng lượng và CSI tại Ấn Độ đang trong quá trình phát triển). Một số bên liên quan tư nhân—bao gồm các tổ chức tài chính, nhà cung cấp giải pháp/dịch vụ công nghệ, v.v.—đã đạt được thành công kinh doanh ấn tượng trong các nỗ lực này. Để thiết lập một cơ chế thị trường tự phát và bền vững với sự tham gia mạnh mẽ của khu vực tư nhân, cần giải quyết một số lĩnh vực chính.

Mở rộng dòng tín dụng dành riêng cho các tổ chức tài chính tư nhân được lựa chọn bởi các tổ chức tài chính phát triển

Sự cạnh tranh thương mại của các sản phẩm với thị trường là cần thiết để thu hút nhu cầu kinh doanh và nắm bắt các cơ hội kinh doanh quan trọng. Đa số các tổ chức tài chính khu vực tư nhân và NBFCs đang cho vay với lãi suất cao hơn so với các tổ chức tài chính công.

Các tổ chức tài chính phát triển (DFIs) có thể mở rộng một dòng tín dụng dài hạn dựa trên danh mục với lãi suất khả thi cho các tổ chức tài chính tư nhân và NBFCs được lựa chọn (những tổ chức cam kết mở rộng quy trình giao dịch của mình thông qua hợp tác với các nhà sản xuất thiết bị gốc (OEMs) và các nhà cung cấp dịch vụ hiệu quả năng lượng và di động điện) để hỗ trợ xây dựng năng lực cho họ trong việc cho vay với lãi suất hấp dẫn thông qua tài chính phối hợp.

Tạo cơ sở chia sẻ rủi ro dựa trên các danh mục của tổ chức tài chính phát triển

Việc giữ cho các sản phẩm cạnh tranh với thị trường là một nhu cầu cốt lõi để tăng tốc độ áp dụng công nghệ hiệu quả năng lượng và CSI. Việc tạo ra một cơ sở chia sẻ rủi ro dựa trên danh mục sẽ giúp các tổ chức tài chính khu vực tư nhân tối ưu hóa thành phần bảo lãnh rủi ro dựa trên nhu cầu và các rủi ro đã xác định của từng dự án, giữ cho các sản phẩm cạnh tranh.

Thiết lập các nền tảng chia sẻ rủi ro cho di động điện hoạt động như các cơ chế phòng ngừa sẽ bảo vệ các tổ chức cho vay (ngân hàng, fintechs, NBFCs) khỏi rủi ro của việc vỡ nợ và các trường hợp mất khả năng thanh toán. Xe điện là một thị trường mới nổi với rủi ro cao hơn, do đó việc thiết lập cơ sở này sẽ hỗ trợ giảm thiểu các tài sản không sinh lời.

DFIs có thể hỗ trợ việc tạo ra cơ sở này để khuyến khích sự tham gia của các bên liên quan trong khu vực tư nhân bằng cách hạn chế rủi ro kinh doanh của họ. Cơ sở này cũng có thể hỗ trợ một cách toàn diện cho cả tài chính dựa trên dự án và tài sản. Việc bao gồm bảo hiểm rủi ro cho tài chính dựa trên tài sản sẽ giúp mở rộng phạm vi các công nghệ được bao phủ thông qua mô hình tài chính này, mà đã được chứng minh là thân thiện với người dùng và có khả năng mở rộng.

Thiết lập các đối tác chiến lược giữa các tổ chức tài chính tư nhân được lựa chọn và các nhà cung cấp giải pháp, dịch vụ công nghệ

Xây dựng sự tự tin trong các đề xuất kinh doanh có thể yêu cầu các đối tác chiến lược để tận dụng chuyên môn của các bên liên quan. Các đối tác giữa các bên trong chuỗi cung ứng tài chính và công nghệ sẽ giúp phát triển các sản phẩm tùy chỉnh với các gói kết hợp cho người tiêu dùng mục tiêu. Điều này sẽ tăng cường niềm tin vào các công nghệ hiệu quả năng lượng và CSI như là những công nghệ đầy hứa hẹn cho tài chính và sẽ giúp tạo ra một quy trình giao dịch mạnh mẽ thông qua tập hợp nhu cầu.

Các tổ chức tài chính khu vực tư nhân, OEMs, và các nhà cung cấp dịch vụ (ESCO, di động điện) nên dẫn đầu trong việc xây dựng các đối tác chiến lược này. Các DFIs, các cơ quan công cộng quốc gia, v.v. cũng có thể hỗ trợ nỗ lực này bằng cách cung cấp một nền tảng chung và kết nối các bên liên quan lại với nhau.

Phát triển các mô hình kinh doanh mới và sáng tạo dựa trên liên minh và đối tác công - tư

Các tổ chức tài chính khu vực tư nhân và các nhà cung cấp giải pháp và dịch vụ công nghệ (ESCO, di động điện) nên dẫn đầu trong việc xây dựng liên minh này và phát triển các mối quan hệ đối tác với các cơ quan công quyền nhằm củng cố hệ sinh thái cần thiết cho di động điện. Các tổ chức tài chính, nhà quảng bá xe điện, các cơ quan công quyền quốc gia, các sở cấp bang, v.v. cũng có thể hỗ trợ nỗ lực này để phát triển các giải pháp tài chính khả thi cho việc sạc xe điện (bao gồm các cơ sở sạc, đổi pin, v.v.).

Tiêu chuẩn hóa sản phẩm và mô hình kinh doanh

Giới hạn rủi ro kinh doanh thông qua tiêu chuẩn hóa quy trình phân tích tín dụng và tài chính cho các giải pháp công nghệ cụ thể sẽ giúp tối ưu hóa quy trình thẩm định tài chính và cải thiện thời gian cung cấp tổng thể cho người tiêu dùng cuối. Hiệu quả vận hành là một trong những chìa khóa dẫn đến thành công. Việc tiêu chuẩn hóa các mô hình kinh doanh cho các sản phẩm này có thể mang lại kết quả hiệu quả. Những mô hình này cũng sẽ dễ hiểu hơn đối với người tiêu dùng cuối và có thể giúp giảm thời gian chuyển đổi kinh doanh.

Các dự án hỗ trợ kỹ thuật chuyên biệt có thể được cung cấp cho các tổ chức tài chính khu vực tư nhân trong việc tiêu chuẩn hóa quy trình thẩm định tài chính và các mô hình kinh doanh. Các OEM và/hoặc nhà cung cấp dịch vụ (ESCOs) cũng có vị trí tốt để hợp tác với các tổ chức tài chính trong vấn đề này.

Các DFIs có thể hỗ trợ các tổ chức tài chính khu vực tư nhân và các OEM và/hoặc nhà cung cấp dịch vụ trong việc tiêu chuẩn hóa các hợp đồng kinh doanh, khung làm việc, công cụ, v.v. để đánh giá tiết kiệm năng lượng và dòng tiền phát sinh.

Phát triển chiến lược tiếp thị phù hợp để tập hợp nhu cầu và tạo ra quy trình giao dịch vững chắc

Khi các mối quan hệ đối tác giữa các tổ chức tài chính khu vực tư nhân được lựa chọn và các OEM và/hoặc nhà cung cấp dịch vụ (ESCOs) được thiết lập, việc xác định rõ các ưu tiên là cần thiết để mô tả tham vọng và chiến lược đạt được sự xuất sắc trong vận hành.

Các nhà cung cấp OEM và ESCO có thể đóng vai trò quan trọng trong việc tiếp cận người tiêu dùng cuối thông qua các kênh tiếp thị và bán hàng đã thiết lập của họ, và trong việc tạo ra nhu cầu từ phía họ. Việc đảm bảo tài chính dễ dàng và không rắc rối sẽ cần được các tổ chức tài chính khu vực tư nhân thực hiện với cách tiếp cận sáng tạo và chiến lược.

Cung cấp tài chính dựa trên dự án và/hoặc tài sản (Giải pháp tài chính phối hợp)

Tài chính dựa trên dự án và/hoặc tài sản cho các công nghệ hiệu quả năng lượng và CSI là một trường hợp kinh doanh thuyết phục hơn nhiều cho người tiêu dùng cuối. Các công nghệ đã được thương mại hóa với tiêu chuẩn phù hợp để được tài chính theo mô hình này.

Các tổ chức tài chính và NBFCs có thể hợp tác chặt chẽ với các DFIs để phát triển các sản phẩm tài chính với tài chính phối hợp nhằm giảm chi phí tài chính, điều này có thể thúc đẩy mức độ áp dụng cao hơn cho các dự án hiệu quả năng lượng, CSI và di động điện. Việc cho vay tài chính phụ thuộc nhiều vào dòng tiền thực tế được tạo ra thông qua hoạt động. Sự sẵn có của vốn với chi phí thấp hơn sẽ hỗ trợ tỷ suất hoàn vốn nội bộ tốt hơn và giá trị hiện tại ròng cao hơn.

Các OEM và nhà cung cấp dịch vụ có thể hỗ trợ các tổ chức tài chính khu vực tư nhân trong việc phát triển danh sách các sản phẩm để được xem xét dưới mô hình này. Điều này sẽ giúp tận dụng các cơ hội tài chính cho các sản phẩm này một cách nhanh chóng hơn.

Thúc đẩy sự tham gia của phụ nữ

Bình đẳng giới luôn là một khía cạnh quan trọng của các tổ chức tài chính phát triển (DFIs). Phụ nữ có một phần doanh nghiệp hạn chế ở cả hai đầu cung và cầu trong các công nghệ hiệu quả năng lượng và CSI. Hỗ trợ các doanh nghiệp nữ có năng lực để đảm bảo sự tham gia nhiều hơn của họ trong lĩnh vực này sẽ yêu cầu các sáng kiến đổi mới thông qua các tổ chức tài chính.

Các tổ chức tài chính có thể xem xét việc chấp nhận các lựa chọn tài sản thế chấp thay thế, bao gồm séc hẹn ngày thanh toán hoặc tài sản di động và/hoặc tài sản kinh doanh, v.v., trong trường hợp tài trợ truyền thống. Các tổ chức tài chính cũng có thể xem xét việc cung cấp các gói vay tùy chỉnh cho phụ nữ. Các DFIs hoặc các tổ chức tài chính quốc gia hàng đầu khác có thể dành quỹ riêng cho phụ nữ để được chuyển qua các tổ chức tài chính khu vực tư nhân.

Tóm tắt các hành động đề xuất dành cho các bên liên quan chính

Để phát triển một phương pháp tập trung nhằm củng cố hệ sinh thái hiệu quả năng lượng và CSI—bao gồm một đội ngũ ESCO mạnh mẽ và một hệ sinh thái di động điện vững chắc—các hành động sau đây được đề xuất cho các bên liên quan chính. Những sáng kiến này sẽ giúp gỡ bỏ các thách thức, hỗ trợ và củng cố khung tài chính khí hậu và bền vững cho Ấn Độ. Khung tài chính được phát triển sẽ đặt nền tảng vững chắc để hỗ trợ các dự án tài trợ nhằm bảo tồn năng lượng và môi trường, giúp Ấn Độ đạt được các mục tiêu NDC ngắn hạn đã đề ra cho năm 2030 và đạt được mục tiêu dài hạn là một nền kinh tế không carbon vào năm 2070.

Các bên liên quan trong khu vực tư nhân và cộng đồng cần hợp tác để tìm ra sự kết hợp hợp lý giữa các giải pháp được đề xuất nhằm tối ưu hóa cơ hội thị trường lớn trong các lĩnh vực hiệu quả năng lượng, CSI và di động điện. Việc khử carbon cho nền kinh tế quốc gia là một thách thức lớn và cũng là một cơ hội lớn hơn. Khi công nghệ và thị trường tài chính phát triển để đáp ứng các ưu tiên quan trọng về khí hậu và khử carbon ở cấp quốc gia và toàn cầu, các thực thể khu vực tư nhân, bao gồm các tổ chức tài chính, sẽ chuẩn bị sẵn sàng cho việc áp dụng sớm các chiến lược thân thiện với khí hậu và xanh, qua đó sẽ tạo ra những cơ hội kinh doanh to lớn.

PHỤ LỤC 3.4

Báo cáo của KPMG: Tương lai của rủi ro - Xây dựng một chức năng rủi ro đáng tin cậy để thành công trong một thế giới rủi ro hơn

Lời nói đầu

Khi các doanh nghiệp phải đối mặt với làn sóng rủi ro ngày càng tăng, các tổ chức nên tái cấu trúc các nguyên tắc cơ bản về cách họ xử lý sự không chắc chắn.

Ngày nay, quản lý rủi ro khó khăn hơn bao giờ hết. Các doanh nghiệp đang phải đối mặt với một loạt các rủi ro về danh tiếng, môi trường, quy định và xã hội. Tiếc rằng việc sử dụng cùng một công thức và chỉ đơn thuần tăng quy mô quản lý rủi ro của doanh nghiệp đã không còn khả thi. Con đường phía trước đòi hỏi ban lãnh đạo C-suite phải thay đổi tư duy của mình để hoàn toàn chấp nhận rủi ro như một yếu tố kích hoạt và một tài sản có thể thúc đẩy giá trị của các bên liên quan.

Nếu không có sự tập trung chung đó, các cơ hội từ môi trường rủi ro hiện đại không thể được nắm bắt đúng cách.

Để đáp ứng những thách thức này, các tổ chức nên thay đổi cơ bản cách tiếp cận tổng thể của họ đối với rủi ro. Điều này bao gồm cung cấp cho doanh nghiệp sự rõ ràng về cấu trúc, chức năng, mục đích và giá trị của rủi ro, đồng thời kết hợp quản lý rủi ro doanh nghiệp với các mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp. Nó cũng đòi hỏi việc xây dựng năng lực rủi ro doanh nghiệp chủ động, chuyển đổi chức năng rủi ro từ "tuân thủ và kiểm soát" sang tạo giá trị và tận dụng công nghệ, bao gồm trí tuệ nhân tạo (AI) và trí tuệ nhân tạo sinh thành (gen AI), để đẩy nhanh những thay đổi này.

Để khám phá cách các giám đốc điều hành mong đợi tổ chức của họ giảm thiểu các rủi ro bên ngoài và bên trong trong bối cảnh môi trường kinh doanh đang thay đổi nhanh chóng, KPMG International đã tiến hành một cuộc khảo sát toàn cầu với 400 giám đốc điều hành vào tháng Hai và tháng Ba năm 2024. Các phản hồi - và những hiểu biết kèm theo trong bài báo này - có thể thông báo cho việc tìm kiếm của các tổ chức để vạch ra tương lai của chức năng rủi ro của họ.

Những kết quả chính

61% giám đốc điều hành dự kiến sẽ thấy mức độ rủi ro mà họ phải chịu trách nhiệm sẽ tăng đáng kể trong ba đến năm năm tới.

#1 Đối với các giám đốc điều hành cấp C-Suite, yếu tố số một thúc đẩy một sự chuyển đổi rủi ro thành công là lãnh đạo nuôi dưỡng một văn hóa nhận thức về rủi ro và ưu tiên quản lý rủi ro trong toàn bộ tổ chức.

67% giám đốc rủi ro (CRO) và chuyên gia rủi ro cho biết dữ liệu rủi ro mang lại sự nhận thức và hiểu biết tăng lên về các rủi ro tiềm năng và tác động của chúng đối với tổ chức.

71% CRO và nhà quản lý rủi ro cho biết việc tích hợp hệ thống, miền và quy trình có thể tăng cường đáng kể hiệu quả của việc ra quyết định liên quan đến rủi ro.

41% giám đốc điều hành dự kiến sẽ chi hơn một nửa ngân sách quản lý rủi ro của họ cho công nghệ trong 12 tháng tới so với chỉ 28% trong năm trước.

#1 AI và gen AI là loại công nghệ phổ biến nhất để quản lý các trách nhiệm rủi ro bổ sung trong ba đến năm năm tới.

Quản lý rủi ro khó khăn hơn bao giờ hết

Một số lượng đáng kể các yếu tố nội bộ và bên ngoài đang đan xen nhau để khiến việc quản lý rủi ro trở nên phức tạp và đầy thách thức hơn. Từ bên ngoài, căng thẳng địa chính trị đang gửi chấn động qua mọi ngành, ảnh hưởng đến chuỗi cung ứng, hệ thống tài chính, khả năng tiếp cận vốn, giá hàng hóa và hàng hóa, và cuối cùng là sự ổn định kinh tế. Ngoài ra, những tiến bộ công nghệ đáng kinh ngạc đang kết hợp với gánh nặng quy định mới lớn, biến đổi khí hậu và môi trường rủi ro danh tiếng vô cùng tinh tế để tạo ra sự không chắc chắn trên toàn doanh nghiệp.

Các lực lượng gây áp lực cho doanh nghiệp từ bên trong cũng gây ra sự gián đoạn tương đương. Ngay cả khi phạm vi rủi ro tiếp tục mở rộng nhanh chóng, áp lực giảm chi phí dành cho chức năng rủi ro cũng ngày càng chặt chẽ hơn. Ngoài ra, các vấn đề nội bộ phát sinh từ nhiều năm "nợ công nghệ" đang khiến các vấn đề về nhân tài hiện có trở nên tồi tệ hơn, tất cả trong khi làm tăng cường sự cạnh tranh cho các ưu tiên và nguồn lực chuyển đổi. (Biểu đồ 1) Rủi ro nợ công nghệ không chỉ liên quan đến các hệ thống và quy trình cũ không được tích hợp và cản trở việc áp dụng các công nghệ và khả năng mới, mà còn liên quan đến khối lượng lớn các phím tắt công nghệ mà các doanh nghiệp đã triển khai trong nhiều năm để theo kịp tốc độ thay đổi nhanh chóng này.

Tác động của những áp lực gia tăng này đã xuất hiện rõ ràng trong cuộc khảo sát của chúng tôi. Những phát hiện của chúng tôi cho thấy các chuyên gia quản lý rủi ro nhận thức được sự cần thiết phải giải quyết thế giới đang thay đổi này. Trọng tâm số một của họ trong một đến ba năm tới là chủ động thích ứng với các loại rủi ro mới như AI; địa chính trị; danh tiếng; môi trường, xã hội và quản trị (ESG); CNTT và rủi ro mạng. Điều thú vị là ưu tiên lớn thứ hai là tận dụng phân tích nâng cao và AI để quản lý rủi ro.

Ngoài ra, phần lớn (90 phần trăm) những người trả lời khảo sát của chúng tôi cho biết tốc độ chuyển đổi quản lý rủi ro, được thúc đẩy bởi những người phá vỡ công nghệ, đã tăng lên, với 56 phần trăm cho biết nó đã tăng mạnh.

Khi các chức năng rủi ro vật lộn với những rủi ro bên ngoài và thách thức bên trong ngày càng tăng này, họ được kỳ vọng sẽ hiệu quả và hiệu quả hơn. Họ cũng sẽ cần thực hiện công việc này trong khi giảm chi phí và dấu chân tổng thể của họ và trở nên gắn kết chặt chẽ hơn với các mục tiêu chiến lược và các thành phần tạo giá trị của doanh nghiệp. Một thách thức lớn như vậy sẽ đòi hỏi sự hợp tác chặt chẽ hơn trong toàn bộ tổ chức.

Quản lý rủi ro khó khăn hơn bao giờ hết: Năm mệnh lệnh chiến lược cho chức năng rủi ro

Thế giới rủi ro đang thay đổi nhanh chóng và theo những hướng không thể đoán trước, đòi hỏi không gì khác hơn là một sự chuyển đổi trong cách các doanh nghiệp nhận thức và quản lý rủi ro. Trên hết, các mệnh lệnh chiến lược về quản lý rủi ro nên được điều chỉnh chặt chẽ với các mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp và được coi là một phần của nhiệm vụ của mọi người để tạo ra một khung rủi ro và văn hóa doanh nghiệp thực sự. Đây là một bản đồ đường đi ngắn gọn đến một tương lai mà quản lý rủi ro không chỉ bảo vệ một doanh nghiệp khỏi sự không chắc chắn mà còn tạo ra giá trị.

1. Thiết lập tầm nhìn về rủi ro

Để khởi tạo một văn hóa nhận thức về rủi ro hơn, hãy tổ chức một hội thảo với C-suite và các bên liên quan chính, với mục tiêu biến quản lý rủi ro thành một khả năng chiến lược cốt lõi. Hội thảo nên nêu rõ tác động của các mối đe dọa chính và thiết lập một tầm nhìn và một số mục tiêu, cùng với các nguyên tắc hướng dẫn chung cho mọi chức năng. Điều này sẽ đặt nền tảng cho sự chuyển đổi và thu hút toàn bộ đội ngũ điều hành tham gia.

2. Phát triển một chiến lược quản lý rủi ro trên toàn doanh nghiệp

Chiến lược rủi ro, vốn nên phù hợp trực tiếp với các mục tiêu chiến lược của tổ chức, vạch ra các lĩnh vực rủi ro chính và tích hợp quản lý rủi ro vào các quy trình kinh doanh. Nó đánh giá lợi ích cho từng bộ phận của doanh nghiệp về mặt tạo ra

giá trị và ngăn ngừa thiệt hại. Để bắt đầu, hãy thành lập một nhóm lập kế hoạch rủi ro chiến lược liên chức năng để tiến hành đánh giá rủi ro và giá trị ở cấp cao.

3. Phát triển một kế hoạch truyền thông

Kế hoạch này nên nêu rõ các mục tiêu của chuyển đổi quản lý rủi ro, cùng với các kênh truyền thông phù hợp, để có được sự hỗ trợ trên toàn bộ C-suite và trong toàn bộ tổ chức. Chiến dịch truyền thông nội bộ nên bao gồm 30 ngày đầu tiên, tiếp theo là các cuộc họp "đại sảnh ảo" trong 60 ngày tiếp theo.

4. Xác định kỹ năng quản lý rủi ro và lên kế hoạch lấp đầy khoảng trống

Khi đã "kiểm toán" được các kỹ năng, tổ chức có thể bắt đầu đào tạo và trong một số trường hợp, tuyển dụng. Một chương trình cố vấn quản lý rủi ro có thể kích thích sự quan tâm đến đào tạo và giải thích cách rủi ro ảnh hưởng đến mọi người trong công việc hàng ngày của họ.

Phát động một cuộc khảo sát kỹ năng trong vòng 30 ngày tới và sau đó hợp tác với HR để phát triển một chương trình nâng cao kỹ năng trong vòng 90 ngày.

5. Tạo ra một kế hoạch cải thiện chất lượng dữ liệu

Mục tiêu là nâng cao độ chính xác, tính thời điểm và tính đầy đủ của dữ liệu quản lý rủi ro bằng cách đánh giá và cải thiện quản trị dữ liệu, thu thập, lưu trữ và phân tích. Bắt đầu bằng một cuộc kiểm toán chất lượng dữ liệu trên các đơn vị kinh doanh chính trong vòng 30 ngày tới và tiếp theo là thành lập một Ủy ban Quản trị Dữ liệu trong vòng 45 ngày tới.

Phương pháp nghiên cứu

Cuộc khảo sát của chúng tôi được thực hiện vào tháng Hai và tháng Ba năm 2024 và thu thập phản hồi của 400 giám đốc điều hành cấp cao trong một loạt chức năng, hầu hết đều ở cấp C. Hơn một nửa (218) làm việc trong quản lý rủi ro và một tỷ lệ lớn hơn một chút dẫn đầu nhóm quản lý rủi ro tại công ty của họ. Khoảng 160 người làm việc tại các công ty có trụ sở tại Bắc Mỹ, 126 ở Châu Âu và 114 ở Trung Quốc, Nhật Bản và Úc. Các giám đốc điều hành làm việc trong 11 lĩnh vực, với 80 hoặc nhiều hơn trong dịch vụ tài chính, công nghệ và năng lượng và tài nguyên thiên nhiên. Tất cả các công ty đều tạo ra hơn 500 triệu đô la Mỹ mỗi năm doanh thu và hơn một nửa giám đốc điều hành làm việc cho các công ty có doanh thu hàng năm hơn 10 tỷ đô la Mỹ.

Trung tâm Truyền thông và Thông tin Kinh tế (BIZIC) – Đơn vị trực thuộc Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) phối hợp cùng Công ty KPMG tại Việt Nam

Bản quyền © 2010 bởi Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam – VCCI

© 2024 Công ty TNHH KPMG, Công ty TNHH Thuế và Tư vấn KPMG, Công ty Luật TNHH KPMG, Công ty TNHH Dịch vụ KPMG, đều là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Việt Nam và là công ty thành viên trong tổ chức toàn cầu của các công ty KPMG độc lập, liên kết với KPMG International Limited, một công ty trách nhiệm hữu hạn theo bảo lãnh được thành lập tại Vương Quốc Anh. Tất cả các quyền được bảo hộ.

